

80
INDO-CHINOIS
625

QUAN-HẢI TÙNG-THƯ

KINH-TẾ-HỌC TIỂU-SỬ

(QUYỀN THỨ NHẤT)

DÉPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 8634

HOA-TRUNG

dịch thuật

THU - XAN

Xuất bản

(IN LẦN THỨ NHẤT)



1928

IMPRIMERIE TIẾNG-DÂN

Rue Đông-Ba

HUẾ

Bản quyền sở-hữu

Giá bán : 0\$25

*Depot legal
Certificat tirage conforme
mille exemplaires
N° 2 Avril 1928
LE DIRECTEUR*



QUAN-HẢI TÙNG-THƯ



Sách của Quan-hải Tùng-thư có bán ở sở báo *Tiếng-dân*, ở nhà riêng ông Đào-duy-Anh, Biên - tập ở tòa báo *Tiếng-dân*, lại cũng có gởi bán tại các hàng sách khắp cả ba kỳ.

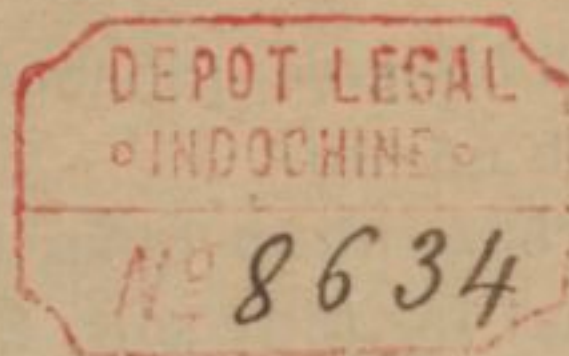
Ai muốn buôn lại sách của Quan-hải tùng-thư xin tính bớt giá 20 phần trăm.

Ai nhận bán lẻ giùm, (dépôt en consignment) xin tính hoa-hồng 15 phần trăm.

Ai ở xa muốn gởi tiền mua sách xin gởi thêm tiền cước.

KINH - TẾ - HỌC TIÊU - SỬ

LÊ - NGÔN



1. — Những phong trào cải-cách xã hội rung động cả thế-giới hiện-thời đều là ở kinh tế mà ra cả. Khoa-học kinh-tế là một khoa tối thịnh ở đời nay, thế mà nước ta hình như không mấy ai biết tới. Bỉ-nhân nhân đọc bản luận về kinh-tế-học-sử của Âm-băng, xin phiên-dịch ra đây để giới-thiệu cùng độc-giả, mong rằng rồi đây sẽ nhiều người để tâm nghiên-cứu khoa học này.

2. — Trong bản luận này dịch-giả có bớt mấy chỗ hơi rườm rà và sửa đổi ít nhiều danh từ cho hợp với các danh từ hiện-dụng (như chữ sinh-kế thì đổi ra là kinh-tế, các tên tây thì dịch theo âm tiếng ta chứ không theo chữ Hán) ngoài ra theo nguyên văn của tác-giả cả.

3. — Bản luận của Âm-băng luận đến Á-đam Si-miết thì thôi, không nói đến các học-thuyết gần đây. Dịch-giả bỏ chương nói về Á-đam không dịch, để in thành một quyển cho gọn tự-mục. Sau này sẽ xin tìm kiếm tài liệu để biên tiếp với quyển này, bắt đầu từ Á-đam về sau là khi kinh-tế-học bước vào một thời-kỳ mới.

4. — Những danh-từ dùng trong sách này phần nhiều là mới lạ, trong các sách thông-thường không hay có đến, vậy muốn tiện cho độc giả dễ hiểu, dịch-giả xin phụ vào sau một mục "Tì-khảo" để giải-thích những danh-từ khó, có chỗ nào còn sơ-suất xin độc-giả lượng cho.

(Dịch-giả)

gò Ind - ch
675

PHÁT - ĐOAN

Si-băng-xê (Spencer, Tàu gọi là Tư-tân-tắc) người nước Anh có nói :

« Phàm nhơn quần bất ngoại hai giống, một là thượng-võ,
« hai là thực-sản, hai cái đó đều là cái dụng-cụ để mà
« làm ra bầy (quần); bất kỳ trong một bầy nào, hai cái đó
« đồng thời đều có cả hai, nếu có một cái nào mà không
« có cái kia cũng không được. Tuy thế, song cái sức nó có
« khi tiêu khi trưởng, ở vào thời đại tiền-cổ dã-man, lấy
« chiến-tranh làm thường, lấy bình-hòa làm ít có, thì những
« cơ-quan sanh-sản chẳng qua vì cơ-quan võ-bị mà đặt ra,
« tức như đời xưa đặt ra Nông, Công, Thương đều là để
« cấp lương cho binh-sĩ, dưỡng dục cho võ-môn mà thôi,
« (đọc sử nước Hy-lạp thời biết) cho nên có thể gọi là bầy
« thượng-võ. Còn ở vào thời đại dã mở mang gần đây,
« thời lấy bình-hòa làm thường, lấy chiến-tranh làm ít có,
« nên chỉ những cơ-quan võ-bị, chẳng qua vì cơ-quan
« sanh sản mà đặt ra, (tức như đời nay dưỡng binh, đều
« là để bảo vệ cho Nông, Công, Thương mà thôi) cho nên
« có thể gọi là bầy thực-sản »

Hiện bây giờ, toàn cả thế-giới chính ở vào lúc đã mở mang rồi, cho nên đứng trong hoàn-cầu, không nước nào là không lấy sự tăng thực quốc-phủ làm yếu-vụ thứ nhất, mà thường ngày diễn ra lớp cạnh tranh vô hình, đấu nhau ở chốn thị-trường, đó là có phải hiểu sự đâu, sự thế xui nên thế vậy.

Ông Mạnh-tử nói : “Trăm họ đủ, nhà người không đủ với ai nữa, trăm họ không đủ, nhà người còn đủ với ai?” Sách Đại-học có câu : “có người ấy là có đất, có đất ấy là có của, có của ấy là có dùng”, nước ta đất không phải không rộng, người không phải không đông, thế mà trăm họ sâu khổ, tài dụng không hưng, cứ lúc nhúc cùng nhau, chịu yên một bề, chẳng biết vì cơ gì cả, hoặc đồ cho thiên

vận tuần hoàn, chịu để tự nhiên, rồi có khi bị cực thái lại mà thôi vậy; đến khi đọc đến sách kinh-tế-học, tuần theo công-lệ, mà đối chiếu với đại-thế của thế-giới, thời khiến cho người ta dật mình thất kinh, mồ hôi thoát đồ.

Ta muốn nói cho kỹ, thời xấp mấy mươi vạn câu nói cũng chưa hết được, nay chỉ nói mấy điều to lớn thôi.

Ôi! nước sở dĩ giàu, chỉ có ba cái: một là thổ-địa, hai là nhơn-lực, ba là tư-tài, hiệp ba cái ấy mà chia lấy cái sở đắc gọi là địa tô (thuế đất), lao-ngân (tiền-công) và lợi-nhuận (tiền-lời) (1), sự tiêu, trưởng, dinh, hư, của trong ba cái đó, đều có tỷ-lệ một cách chánh hoặc phản, mà sự thanh suy của một nước, thường có quan hệ luôn.

Ông A-đam Si-miét nói: “hễ trong một bầy nào mạnh, coi vào sự tấn tới làm chừng, hễ đã đứng lại thời lo, mà trụt lui thời làm bệnh”; mà suy nghiệm sự tấn hóa của quần-trị chẳng có cái gì rõ hơn là xét số tiền công cao hay là hạ vậy. Hễ quần-trị ngày càng lui, thời mẫu-tài (tư bản) ít mà không đủ nuôi lực-dịch rồi khi ấy bọn làm thuê làm công (để kiếm ăn) mỗi năm mỗi ít, bọn thương-công thất nghiệp, trở xuống làm trung-công, trung-công thất nghiệp, trở xuống làm hạ-công, bọn hạ-công kiếm ăn đã gay rồi, mà những bọn thương-công, trung-công lại còn trở xuống đoạt nghề nghiệp nữa, vì một sự tranh cho đặc nghiệp mà phải giảm giá tiền công xuống để kiếm cho có công việc làm, sự thế mỗi ngày mỗi thêm, tất phải trở

(1) Theo học-thuyết cổ-diễn thì thổ-địa, nhơn-lực và tư-tài là ba cái nguyên-tố của sự sinh-sản, mà trong ba cái đó thì tư-tài là quan yếu hơn cả (Ricardo). Theo học-thuyết xã-hội ngày nay thì thổ-địa, tư-tài đều là tư-bản là sinh sản cơ-quan, còn sinh-sản-lực thì là nhơn-lực, là lao-động. Lao-động là phần quan-yếu hơn cả.

thành một bầy làm thuê, chí-khổ cực-bạc. Như vậy mà còn không được thế nữa, rồi kẻ yếu đi xin ăn (ăn mày) đưa mạnh đi trộm cướp, những cư dân hành khách đều là nhao nhiên rối rít, kẻ bị đói rét làm hèn yếu, kẻ bị hình phạt làm tội tàn, vua dữ quan dơ, đã theo xâm đoạt, mà ma đầu quỷ dịch, còn lại cây bừa, ban đầu mới bôn hạ dân, dần dần đến bôn trung hộ, lưu ly tân khổ, đến nỗi dân còn sống sót, cùng của còn để sót chỉ vừa đủ cấp dưỡng thôi. Xem như các bộ của nước Ấn-độ hiện nay, thời đủ thấy rõ. Nước họ đất rất tốt, nhân khẩu xưa cũng ít, chớ không phải đông đúc gì lắm; ôi! lấy một số ít người mà ở một chỗ đất tốt như thế, thế mà tính về số dân chết đói, mỗi năm kể đến hàng mấy mươi vạn người, thời chẳng phải vì mầu-tài ngày một hao kém không đủ đỡ cho dân cùng, đủ nuôi công việc mà đến nỗi thế ư?

Ngày nay cái tệ của nước ta, tuy chưa đến thế, song sự tấn tới chẳng khác gì như trèo lên mà sự thoái lui chẳng khác gì như té xuống, không tới thời lui, cũng là sự thường. Quản-trị của nước ta không tấn tới đã hơn một ngàn năm rồi, xưa còn không có nước ngoài lại cướp dứt nên chi bề trong tuy ngày một hao mòn, song còn dấp vá chấp nối lại mà chưa bộc lộ ra ngoài, đến nay thời cái phong trào kinh-tế cạnh tranh ở trên toàn cầu đều nhóm họp về một ngã mà suy nguyên cũng là công-lệ của kinh-tế-học bức khiến phải thế vậy. Ôi ta không tới, mà tự thoái lui vẫn đã không sao khỏi được, huống nữa, ta thời ngày một thoái lui, mà người ta đi tới, lại hơn được chỗ hở mà bước vào, người ta sợ dĩ vừa đi tới vừa cấp bức như thế, lại là cũng vì có tự bảo, không thể không được. Ôi! tấn tới mãi, dục bức hoài, thì cái sự mỗi ngày một thúc-tới về sau này, tưởng không cần gì phải suy tính mà cũng đủ rõ.

Sự thúc tới, chẳng những tại sinh-kế mà thôi, hễ sự tư-sanh ngày một khốn đốn, thời sự sống tự nhiên phải ngăn

ngồi thêm. Giống người sanh sản cho nhiều cũng không ỷ thị được vậy.

Ông Cô-lông (Kha-luân-bố) lúc mới tới châu Mỹ, chỗ đó chen chúc khắp nơi cả mọi da đỏ, đến bây giờ thời giống người ấy chỉ làm đồ trần thiết của viện bác-vật mà thôi (nhà bảo nước Mỹ có bản : nên kiếm cách để bảo tồn giống mọi da đỏ, chớ cho tuyệt chủng, cốt lưu lại để làm đồ khảo chứng cho viện bác-cổ).

Ta thường khi đi tới đảo Hạ oai-di (tức núi Đan-hương) xét đến hộ tịch, thời đương lúc người nước Anh (Cấp-đốn quách) mới tới đó, (1778) người xứ đó hơn 200.000, đến năm 1900, thời chỉ còn 20 000 mà thôi, trong khoảng trăm năm, mười phần còn một, tự nay về sau, e không tới vài mươi năm, chắc giống ấy toàn tuyệt hết cả, đó là cái hiện tượng của dân tộc đã man ở trong toàn cầu, đâu đấy cũng thế vậy. Ôi ! đó có phải là, có người đâu đó, ngày mỗi cầm gươm chém đi phát đi mà đến thế ư ! cũng vì kinh-tế kém hèn mà đến thế vậy.

Thế thời, ở ngày nay mà bàn đến quốc nguy, có phải đợi là tàu bè áp vào cửa biển, đất đai đã nhập vào sổ sách người, nhiên hậu mới gọi là vong (mất) mới gọi là giết (dứt) đâu, chỉ một việc này (kinh tế), mà bao nhiêu hiện tượng chí nguy cực hiểm ở trong thiên hạ lại chẳng còn có cái gì quá hơn nữa đâu.

Nhà nho ta hễ động tới thời nói : « Hà tất viết lợi, diệc hữu nhưn nghĩa nhị dĩ hĩ », lại nói : « Chánh kỳ nghị bất mưu kỳ lợi, minh kỳ đạo, bất kể kỳ công » (nghĩa là : hà tất nói lợi, cũng có nhưn nghĩa mà thôi ; chánh đều nghĩa mà chẳng mưu đều lợi, cho rõ đạo lý mà chẳng kể công phu) có biết đâu, nghĩa cùng lợi, đạo và công, vốn là một vật mà hai tên, nếu bỏ cái này thời cái kia cũng không giữ được ; có biết đâu, một người không lợi, rồi đến một nước không lợi, một nơi giống không lợi, cho đến mấy mươi mấy trăm triệu người cũng đều tiêu diệt luận.

Do vì không rõ học-lý, không biết giới thuyết của chữ lợi ra thế nào, cái đều làm đó gọi là lợi, mà chính không phải lợi, lại là hại to, thấy một sự tiểu lợi ở trong đây phút hào ly, bèn quăng hết bao nhiêu cái đại lợi ngày sau hưởng thụ vô cùng đem mà đổi lấy ; một người như vậy người nào cũng như vậy ; than ôi ! quốc lực của ta sở dĩ hao mòn, đều vì lẽ đó cả. Những bận tử đệ của nhà tấn-thân, trau chuốt áo khăn trang sức lời nói, hủy chữ lợi mà chẳng giám bản, chỉ mượn câu nói thánh hiền để phỉnh phờ thiên hạ ; còn kẻ phơ gan trồ mặt, cố ra làm việc ích lợi, thời vẫn bị xách đuôi ra ngoài góc biển chơn trời đã lâu rồi.

Ôi ! một nước như thế, một dân tộc như thế, mà lộng lộng ở lúc vật canh thiên trạch, hơn được kém thua này, tôi lại không hiểu cuối cùng còn đến thế nào nữa.

Các nước Tây-Âu mới hưng thịnh gần vài trăm năm đây, mà sở dĩ hưng thịnh, nguyên nhơn vẫn nhiều ; nhưng về học-lý kinh-tế phát minh ra, cũng là một mối quan yếu lắm. Từ nay về sau, cái sức của học-thuyết này giúp đỡ cho thế giới, càng ngày càng to tát thêm, nhà nước thịnh hay suy, giống nòi còn hay tuyệt, cũng coi vào đấy.

Than ôi ! ấy có phải những bọn vu nho, cùng cư nham huyết, cao đàm nhơn nghĩa, mà hiểu được đâu. Học thuyết này mới thịnh ở châu Âu, chỉ một trăm năm mươi năm dẫn lại đây, đến nay thời lầy lừng chói lói như mặt trời ở giữa thanh không, đầy dẫy tràn lan như giòng nước chia cùng chi phái ; vậy mà người nước ta, phi duy không biết nghiên cứu về học-lý này lại không biết có cái học khoa này nữa, thế thời gặp đương lúc nguy hiểm lạ lùng này, mà cứ lạng yên vô sự, lại có lạ gì đâu. Cho nên nay tôi lược thuật đại khái, chép làm tập biên này, học giả xin tìm nơi tấn bộ của học thuyết, và nơi tấn bộ của kinh-tế, so sánh mà xem xét thêm thời từ nay về sau, nước ta tự xử lấy, há không biết sợ mà biết gắng gỏi tới hay sao ?

GIỚI-THUYẾT CỦA SÁCH NÀY

Kinh-tế học-sử cùng kinh-tế-sử có khác nhau (Cũng như chánh trị học sử với chánh-trị-sử) Kinh tế sử là tự thuật sự thiết và chế-độ về kinh-tế của lịch-đại các nước, còn kinh-tế học sử là chuyên nói về sự duyên-cách của học-thuyết, chớ không phải nói về duyên-cách của chế-độ, vì học-thuyết và chế-độ là hai cái khác nhau.

Tuy thế nhưng quan-hệ vẫn mật-thiết lắm, học-thuyết thường nhờ chế-độ hiện-hành mà giảng cầu thêm, mà chế-độ thường theo học-thuyết mới mở ra mà sanh biến-động, hai cái đó đáp-đổi làm nhơn, đáp-đổi làm quả, cho nên chỗ phạm-vi của sách này, tuy cốt yếu về học-thuyết, song thường thường có dẫn đến chế-độ, là cũng thế bắt phải vậy.

Về khởi nguyên của kinh-tế-học, có hai phái nói. Phái Giáp nói: ngày sanh nhứt của học-thuyết này, thiết ở vào năm 1776, bởi vì lấy bản Nguyên-phủ-luận của Á-đam ra đời từ năm ấy. Trước kia tuy có các phái trọng-nông trọng-thương mặc dầu, song chẳng qua là làm đồ khu-trừ cho Á-đam vậy thôi; còn sau lại, tuy có các nhà chủ-sử chủ-quần mặc dầu, cũng chẳng qua là đàn con cháu của Á-đam. Thế thời, ở trước đời Á-đam, quyết không thể gọi là có kinh-tế học-sử, nếu có đi nữa, cũng chẳng qua là lịch-sử lầm lỗi mà thôi.

Phái Ất nói: trong thiên-hạ vô-luận sự vật gì hữu-hình hay là vô hình, chưa hề từng có đột nhiên mà sanh ra được, cho nên kinh-tế-học thiết có từ khi nhơn-loại mới bắt đầu họp làm bầy, (quần) đã có nhơn quần thời vẫn đề kinh-tế, tự nhiên phải có, có phân-nghiệp thời có giao-dịch, có giao-dịch thời có hóa-tệ, (tiền bạc) sau lại bao nhiêu hiện tượng, càng ngày phát sanh thêm dần, mới thành ra quần-trị ngày nay, cho nên nói đến kinh-tế học-sử, nếu không khởi bút từ đời cổ-đại thời không được.

Hai lời nói trên đó trái nhau, mà đều có chỗ chưa đúng cả, nay chiết trung lại, thời học-thuyết này nảy nở đã lâu, song khiến cho hoàn toàn làm thành ra một khoa-học, thời thiết tự Á-đam Si-miết trở lui vậy.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

KINH-TẾ-HỌC VỀ ĐỜI THƯỢNG-CỔ

Từ khi kinh-tế-học đã thành một khoa-học đến giờ, mới hơn một trăm năm, tuy thế, về đời Thượng cổ Trung cổ, cũng không phải là không có một đôi học-thuyết gì khá lượm lặt được đâu, nhưng chẳng qua là xem thấy ở trong các sách triết-học, chánh trị, pháp-luật và tôn-giáo một đôi miếng mà thôi, chứ không thành thể đoạn gì cả. Nay xin bàn Thượng-cổ trước.

Phàm trăm sự học-vấn gì, đều phát nguyên ở Thượng-cổ, nhưng hoặc có cái càng ngày càng phát đạt, hoặc có cái đình-trệ mà không tấn tới được ; cái gì mà chịu đình-trệ lại đó, tất có bị cái gì làm trở lực. Kinh-tế-học ở đời Thượng-cổ, sở dĩ không tấn bộ như các khoa-học khác, nguyên-nhơn có năm đều.

1° — Vì có, các nước đời xưa, đều theo chế-độ nô-lệ, nghiệp sanh-sản, xem làm hèn hạ.

2° — Vì có, quen việc thượng-võ, đánh dẹp luôn luôn, nhơn-dân không hưởng được thái-bình để hưng sản-nghiệp.

3° — Vì có, nhơn-dân đời xưa, lấy chánh-phủ làm toàn-năng, nghĩa là kinh-tế của quốc-dân, đều nhờ sức chánh-phủ giúp cho, nên bao nhiêu thể lực của đoàn-thể nhỏ ở trong nước, đều bị chánh-phủ áp chế cả.

4° — Vì có, quốc-dân duy lấy sự tham-dự quốc-chánh làm mục-dịch độc nhất của quyền tự-do, mà việc kinh-tế chẳng hề để ý gì đến.

5° — Vì có, học-giả đều vụ ở triết-học, lấy tâm-lý luân-lý làm vấn-đề độc nhất, mà cái nghề sản-thực, coi làm dè-mạt.

Vì những nguyên-nhơn ấy, nên kinh-tế-học phát-đạt thua các môn học khác. Nay gộp lặt các sách của Hy-lạp La-mã mà lược luận thêm vào.

I. — Kinh-tế-học của Hy-Lạp

Các nước Hy-lạp đời xưa, hình thế tốt lắm, thêm có hải lợi, binh mạnh nước giàu, nghề buôn cũng thanh, học-giả suy-xét cho rằng về kinh-tế-học chắc có phát-minh được nhiều, nhưng thiệt không phải thế. Người Hy-lạp cho môn học này, chẳng qua là một môn học phụ theo chánh-trị-học và gia-chánh-học thôi.

Tối trứ-danh như nhà Sử-học Hê-rô-dốt (Hérodote) Tuy-xi-đit (Thucydides), nhà triết-học Xô-cơ-rát (Socrates), nhưng học-thuyết của các nhà ấy đều là tế-toái tàn-khuyết không đủ bản ; duy gọi là hơi được Loàn-chỉnh, thời có Bơ-la-tông, Xê-nô-phông và A-rit-tốt, ba bậc hiền-giả mà thôi.

Bơ-la-tông (Platon 458-348 av. J. C.) có làm một quyển sách, tên là Cộng-hòa-quốc (République) tự

nghĩ ra một quốc-gia đại-đồng trong lý-tưởng, nghĩ rằng đời đại-đồng, người không được có của riêng, bao nhiêu những của gì ở trong nước, phải làm công-sản cho cả nước, còn nô-lệ và người ngoại-quốc thời khiến làm công việc cho nước cả, hễ làm ra được của cải bao nhiêu, thì chia cấp cho một ít; ấy đó là thiết làm cội rễ cho chủ nghĩa cộng-sản đời sau vậy. Còn có điều cực-đoan nữa là, Bơ-la-tông không những xưng ra chủ nghĩa cộng-sản mà thôi, lại còn muốn đem cả vợ liền con mà làm “cộng” nữa, như là nói rằng “người ta không phải cưới vợ làm vợ riêng của mình, để đưa con làm con riêng của mình, của cải không cất riêng làm của cải của mình, công việc không làm riêng làm công việc của mình, như thế thời dân dân chẳng có, trộm cướp cũng không, mà đời được thái-bình”.

Tuy thế Bơ-la-tông cũng biết cái thuyết ấy khó thiết-hành nên sau lại làm ra sách Pháp-luật (Lois); trong sách ấy đã gần có thiết-tục, song còn xưng lên câu nói hạn dân về sự danh-diễn, cấm dân về sự tảo-hôn, cùng là các lời nghị nói về chánh-phủ giám đốc nông, công, thương-ngiệp, nghĩa là tuy cho được có của riêng mặc lòng, nhưng còn hạn chế bắt phải chánh-phủ can thiệp để cầu cho được bình-đẳng vậy. Song luận đến chỗ hóa-tệ là làm dịch-trung cho sự buôn bán, phân-nghiệp là làm đại-đạo cho sự sanh-tài, chỗ đó cũng có độc-kiến.

Xê-nô-phông (Xénophon 444-354 av. J. C.) cũng đồng với Bơ-la-tông là môn đệ của Xô-co-rát, song lập luận của ông, thời so với Bơ-la-tông có bình-thiết hơn ; như thích nghĩa chữ tài-phú mà nói rằng : “Hễ có tài vật, để cho mình dùng mà còn có thừa, ấy gọi là giàu (phú) ; có đất đai cây mà không chăm làm, không phải là giàu ; có tiền của, cất mà không dùng, cũng không phải là giàu”.

Lại luận về đồ để sanh sản, thì ông chia làm hai thứ, thiên-nhiên và nhơn-lực. Còn luận đến cái hiệu-quả của sự phân-công, thì cũng in như Bơ-la-tông, phát minh cái lệ điền-tô-thăng-dáng, thời Xê-nô-phông cũng đã lược nói đến rồi.

Xê-nô-phông tuy chú trọng về nông-nghiệp, nhưng cũng nói công thương không khả khinh được, còn nô-lệ phải nên khoan dãi, (chỉ nói khoan-dãi, chứ không biết nô-chế là nên bỏ, là vì đương buổi đó tập tục vẫn còn quen vậy) và cách hồ-thị là có ích, bởi vì học-thức có hơn Bơ-la-tông một bậc ; chỉ như luận hóa-tệ, luận vật-giá, thời lầm lỗi còn nhiều.

A-rit-tốt (Áristote 381-222 av. J. C.) là học trò của Bơ-la-tông ; song lập-luận lại khác thầy, thường lập-luận bác cái thuyết cộng-sản của-thầy nói rằng : « Phàm nhơn-loại, đều có tánh lợi kỷ, cái tánh ấy làm chủ-tể cho muôn nết, nếu tài-sản đem qui-công cả, thời giết mất cái lòng tư-lợi của người, mà nhơn-đạo rồi sẽ có chỗ đại-hại, cho nên bất kỳ

làm kế cho một người hay là một nước, đều phải lấy sự bảo-hộ tư-hữu-quyền làm trọng, phương chi chủ nghĩa cộng-sản tuy làm, mà cái sự phân tranh, không có khi nào tuyệt-tích được v. v. » Bản luận ấy ra đời, có người hỏi rằng : « Nhà người không yêu thầy của nhà người sao ? » thời A-rit-tốt đáp rằng : « Tôi yêu thầy tôi, tôi càng yêu chân-lý », đến nay còn truyền câu nói ấy làm danh-ngôn.

A-rit-tốt luận về tài-phú, luận hóa-tệ và giá-cách, đều phát minh được cái chỗ mà người trước chưa phát minh, làm chỉ-châm cho người hậu-học; nhà luận-giả có kể cho là ông tỷ-tổ của kinh-tế-học, cái đó quả có đáng hay không, tuy chưa dám vội quyết được, nhưng mà cái danh-từ kinh-tế-học (Economie) cũng do A-rit-tốt mệnh-danh, thời A-rit-tốt có công về khoa-học này, cũng đã thấy rõ. A-rit-tốt giải nghĩa chữ tài-phú gọi là : Phạm vật gì mà lấy hóa-tệ mà cân nhắc cái giá-cách được, đều gọi là tài-phú. Tài-phú có hai giống một là đủ cho mình dùng, hai là dùng làm giao dịch. Lại phân biệt kinh-tế thời đại sơ-dân (nhơn-loại lúc sơ-sanh) và kinh-tế thời đại dụng-tệ (dùng tiền bạc), lấy làm văn-dã phân-biệt do ở đó ; mà phân-công có khi phiền khi giản, tức là biểu chứng cho trị-hóa có lúc cạn lúc sâu vậy.

Còn luận đến hóa-tệ, thời ý-kiến nhiều cái trác-việt lắm, như nói hóa-tệ có hai đức tánh, một là làm trình-chuẩn cho vật-thực, hai là làm dịch-

trung cho buôn bán. Lại nói : « Hóa-tệ và tài-phú không phải đồng một vật ; hóa-tệ, (tiền bạc) thời đói không thể đem làm cơm được, lạnh không thể đem làm áo được, nếu không có cái gì đổi cho, thời dầu có mang một khối vàng, cũng không sao khỏi sự đói rét được ». Các nghĩa-lý ấy, đều làm cho học-giả đời nay không sao đổi được. Tuy thế, luận đến cái nghĩa mầu-tài, tử-tức, nhiều cái lầm lỗi, như là, cho rằng tiền bạc không sao sanh thêm ra tiền bạc được, cho nên những người đem vốn lấy lời, đều là phường cướp bóc. Cái luận-thuyết ấy làm huyền hoặc trí não của học-giả sau nghìn mấy trăm năm, dần mãi đến đời Trung-cổ, hãì còn lầm theo.

Lại chia nhơn-dân làm bốn cấp, cho là bọn nông, công, thương (là kẻ nuôi người mà lại bị người trị mình), không được cùng bọn đệ nhứt-cấp (là kẻ trị người mà lại bị người nuôi mình) đồng-hưởng lợi quyền tự do ; cái luận đó so với cổ-nghĩa của Á-đông thiệt đồng nhau lắm.

Lại luận đến nô-lệ, thời không những không cho cái chế-độ ấy là nên bỏ, mà lại còn biện hộ cho nữa, nói là tất không nên bỏ, như nói rằng : « Sở dĩ mà đặt ra nô-chế, không phải do chiến-tranh, không phải do pháp-luật, cũng không phải do thúc-ước, mà toàn do vì lẽ thiên nhiên. Trời sanh loài người, vốn chia làm hai giống : một giống là hình thể to mạnh, có thể chịu lao lực được, thời

khi sanh ra trời phú cho cái lương năng nô-lệ, còn một giống là nghi dung nghiêm chỉnh, có thể chịu lao tâm được, thời khi sanh ra trời phú cho cái lương-năng tự-do, cho nên dùng đầy tớ là thuận theo lẽ trời mà lập chế độ quân-trị phải có đều ấy mới được v.v.», cứ lời nói đó hiện bây giờ mà xem, thời tuy đưa trẻ con, cũng cứ chê được.

A-rít-tốt lại không thích nghề buôn, cho rằng kẻ đi buôn lấy của, đều là làm ích lợi cho mình mà tổn hại người ta, nên phải tiết chế đi, chớ cho nghề buôn phát đạt quá độ ; chỉ vì đeo theo một sự nghĩ lầm, cùng với chủ nghĩa trọng-thương vào thế kỷ thứ 17, cũng đồng một bọn, (như là nói rằng nước ta lợi, tức là nước láng giềng lại) đồng một sự mê quấy cả, bao nhiêu những cái đó, đều là chỗ khuyết điểm của A-rít tốt vậy. (1)

Tuy vậy, song ứng theo thời thế, thì câu nói đó cũng là câu nói bổ thiên cứu-tế, hễ luận đời, phải biết người, ta chưa khá nên chê cho lắm.

II. — Kinh-tế học-thuyết của La-mã

Người La-mã trọng sự thiệt tế, quý sự thiệt lợi, lẽ thì kinh-tế-học phát-đạt nhiều lắm mới phải,

(1) Câu luận này của A-rít-tốt rất phù-hiệp với học-lý kinh-tế xã-hội ngày nay. Độc-giả phải lưu-ý rằng kinh-tế học-thuyết của Âm-băng chủ-trương là theo về học-phái cồ-điển cả, Ecole classique) D. G.

thế mà không phải; học-giả nước Đức là Y-gia-lăng nói : « Người La-mã ba lần đánh dẹp thiên-hạ, thứ nhứt lấy binh-lực, thứ hai lấy tôn-giáo, thứ ba lấy pháp-luật ». Tuy thế, triết học của La-mã, còn thua Hy-lạp xa, nên học thuyết kinh-tế không sao tự xây vách lũy mà khoe với đời được.

Lời ngạn-ngữ của La-mã nói : « Hễ ai mùa sắt thời được lấy vàng », bởi vì người họ lấy sự chinh chiến làm chỗ thủ lợi thứ nhứt, hết sức theo việc đó nên được phú cường mà cũng vì việc đó mà bị suy nhược. Người La-mã chỉ cũng một giống người không biết kinh-tế, nên học thuyết không phát-đạt được, có lạ gì đâu. Nay lọc lấy ở trong bọn « mùa sắt », có được một đôi người khá khá, như là: Xi-xê-rông (Cicéron), thời có thuyết trọng-nông. Xê-nê-co (Senèque), Bơ-lin-nơ (Pline) thời có thuyết phi-nô-chế, cũng còn có thể xem được. Bơ-lin-nơ xướng lên thuyết đại-nông, cho là kẻ đại-canh-tác thời sức sanh sản trời thường tăng thêm cho ; lại bàn về nguyên-nhơn của vật-giá, cũng có chỗ phát minh nhiều.

Còn ngoài ra thời có đảng gọi là nông-nghiệp-dãng, và một đôi nhà triết-học, pháp-luật, song ở trong khoảng trước-thuật của mấy nhà đó, cũng có phát minh ra những học-lý kinh-tế mặc dầu, nhưng cũng vẫn tất, một đôi thiên, quan-hệ rất là ít ỏi.

CHƯƠNG THỨ HAI

KINH-TẾ-HỌC VỀ ĐỜI TRUNG-CỔ

Từ khi Tây La-mã mất nước rồi, chính là văn minh ở đời xưa, bị ngọn gió dã-man quét sạch cả; hồi đó, mỗi người xung hùng mỗi chỗ, trong cõi rối như tơ, đường giao-thông tuyệt đứt, nhân-dân không có ngả kiếm ăn, nghề nông, công, thương suy-dồi đến cực điểm. Đương bấy giờ còn được một tia ánh sáng, duy có giáo Gia-tô. Giáo Gia-tô xưng lên chủ nghĩa « nhơn-loại đồng-bào, tứ-dân-bình-dãug », lấy chế-độ « bỏ nô-lệ và nông-nô » để cải-lương nhơn quần ; giảm cái quyền lực « gia-trưởng-chuyên-chế », nâng cao cái địa-vị phụ-nữ, khiến cho biết tự trọng lấy, để cải lương gia-tộc ; xưng lập chế-độ từ-thiện, khiến người giàu biết lấy sự bố-thí làm nghĩa-vụ, khiến người nghèo biết lấy sự cảm-tạ phục-lao làm nghĩa-vụ, để cải lương phong-tục nhơn-tâm ; giáo Gia-tô, ở nơi chỗ sanh-sản và phân-phối của cải, so với trước có hơi tấn bộ hơn, chỉ vì đối với pháp luật và tập-tục ở lúc bấy giờ không dung hợp nhau nổi, nên chi khó thành công.

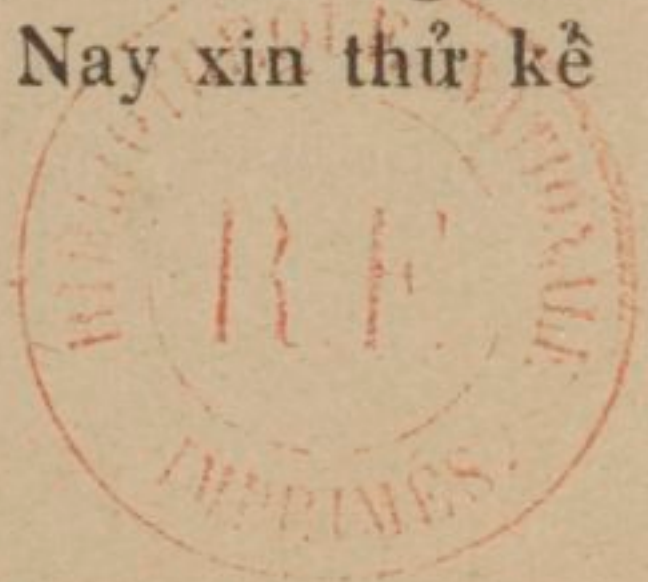
Sau lại, quân Thập-tự (Croisades) qua đông-chinh mở đường giao-thông cả Âu và Á, mà các chốn thị-trường ở Nam-Âu, khổ vì ngược-chánh đã lâu, bèn sáng lập lên một chế-độ tự-trị, để phòng ngự vua tàn bạo. Khi ấy « chợ cộng-hòa » của Y-dại-lợi nổi lên, các chợ bên Pháp-lan nối theo nữa, rồi

mới có cái việc « Đồng-minh Hăng-xa-tích ở nước Nhứt-nhĩ-man, (Ligue hanséatique), ấy thiệt một cái then máy của kinh-tế-giới chuyển lay vậy.

Hồi ấy, nghề thương, nghề công đều thanh ở Y-dại-lợi, mà các nước cộng-hòa như là Vơ-ny (Venise), Gien-nơ (Gêne), Phơ-lo-răng (Florence) thiệt làm chỗ trung-tâm-điểm cho các thị-trường. Còn bao nhiêu chế-độ công-thương từ thế-kỷ thứ 11 dần lại, đều tiếp gót nối dầy, đến nay còn làm cho kẻ thức giả ngợi khen.

Tự-trung, những đồ biên-tập bao nhiêu thành lệ của các nhà thương-gia, tập quán đã công-nhận, như là thương-pháp, ngân hàng-pháp, hải-thương pháp, đến sau thế-kỷ thứ 17, 18, toàn các nước bên Âu, đều nhờ đó mà chế-định pháp-luật cả.

Da-dĩ, luân-lý-học, chánh-trị-học của A-rit-tốt, dần dần qui-trọng, và bao nhiêu những đồ di-cảo có quan hệ về sự tài-phú, nhiều người đua nhau nghiên cứu, khi ấy bao nhiêu học-lý suy đồi đã lâu, dần dần sống dậy. Nói tóm lại, cũng bởi những bọn học-giả đương lúc đó, đều là người tai mắt ở trong giáo-hội, mà là người có tri-thức về kinh-tế và pháp luật, cho nên những đều bàn luận, là tổ thuật của A-rit-tốt mà lấy luật tôn-giáo so sánh phụ thêm, như những đều chế-độ tư-tài (của riêng) phải nên lập, và cách cho vay tiền lấy lợi cho là bất-nghĩa, người ta thường khen ngợi lắm. Nay xin thử kể vài ba người có trứ-danh :



Ma-nhuýt (Albertus Magnus — 1193-1274)

Đông-Si-cốt (Duns Scot — 1245-1308)

Tô-mát-Đa-kilh (St. Thomas d'Aquin — 1226-1274).

Đến thế kỷ thứ 14, trong lộn giáo-sĩ, lại có tay hào kiệt bước ra, là A-lý-si-mê người nước Pháp. Ông ấy rất có danh tiếng, có làm ra hóa-tế luận, thật là một nhà đại-trước-tác thứ nhất ở trước đời A-đam, nhà cận-nho nước Đức là La-si-tra lại biểu-chương ông ấy lên, tôn làm một nhà đệ nhất ở đời Trung cổ.

Đương lúc đó, các nước châu Âu, phép nước phân loạn, bạc dả công hành, dân không biết khổ, cho nên những bạn học-giả, viết sách bàn bạc về thời sự thật nhiều, nhưng những bản sách của A-lý-si-mê, thời được hoàn bị hơn.

Đó là đại-khái kinh-tế-học ở đời Trung-cổ; trong khoảng đó không phải không có một đời học thuyết gì khá tiêu biểu được, nhưng vì hồi ấy, ngọn lửa tôn-giáo đương nồng, nhất thiết chế-độ kinh-tế, đều bị ảnh hưởng ấy cả, và bị những lời bài bác làm trở sự tấn-bộ cũng không ít, thử kể một đời đều :

Lúc ấy, tuy lấy sự trao công đổi việc của bọn công nông, làm sự lợi ích phải có, song đến việc đổi chác buôn bán, thời lại cho là đổi trả mà coi làm khinh dễ, nên chỉ thường khi bàn đến việc chủ bán đem hàng hóa vào chợ, thời chỉ cho theo sự

thiệt mà trị giá, chứ không cho được theo giá chợ, vô luận sự cung cầu lên xuống thế nào, cũng không được hơn đó mà thêm lên bớt xuống.

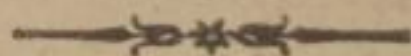
Lại luận về việc vay mượn thì càng lầm lỗi nhiều lắm, nhà nước khi ấy mới ra cái lệnh chế-tức cốt cấm những bọn kiêu-tinh (nhà có tiền cho vay, nhắp một vốn năm bảy lời) khoét người lấy tiền, Điều ấy thiệt cũng nguyên ở tinh thần của tôn-giáo đạo đức mà ra, dụng ý của họ, không phải là không tốt, thế mà ở trên đường kinh-tế, vẫn thấy trở ngại nhiều, là vì sao ? Sanh sản đã tăng thêm, thời nghề nghiệp tất nhiên phải thịnh vượng, nghề nghiệp đã thịnh vượng, thời cần người thuê tự nhiên phải nhiều, mà làm nghề nghiệp nuôi thợ thầy, tất nhiên phải nhờ có tư bản, thời những sự vay tạm là thế không sao khỏi được, vậy mà ra lệnh hạn chế đi, nếu dân mà cứ phụng lệnh, thời sanh ra ngờ sợ nhau mà nghề nghiệp phải thối lui, trở nên dân nghèo nước bệnh, nếu dân mà không chịu phụng lệnh, thời nhà nước chỉ treo không một điều luật đó, để mà làm gì ? vả lại như vậy là khiến dân phạm lấy pháp-luật phải làm điều đối trá nữa. (Xem qua Nguyên-phú, bộ-giáp-thượng, thích chữ doanh (tiền dư) bộ ất luận việc cầm thuê vay mượn). Cái chế độ ấy vô ích, A-dam đã có nói đến, còn chế-độ ấy đã vô ích mà có hại, thời các nhà cận-nho cũng đã chứng rõ rồi.

Tuy thế, giáo Gia-tô cũng có công với kinh-tế giới, vẫn không khá phụ ; tự trung, công rất lớn

là một việc « lực-dịch tự do ». Từ lúc đầu đời Trung-cổ, chế-độ nô-lệ, một lần biến mà làm ra chế-độ nông-nô, sau lại các thị trường ở Nam-Âu bèn đem luôn cả chế-độ nông-nô mà bỏ hết, khi ấy nhà hưng nghiệp đối với kẻ lao động, mới có sự giao thiệp bình đẳng, từ đó thiệt là một ngày tân-kỷ-nguyên ở trên bộ sử kinh-tế vậy.

A-dam luận đến đó, cho là toàn xuất vì lòng lợi kỷ mà ra cả: một là do vì kẻ địa chủ biết đường thuê người, sắp việc, tính công, trả tiền, thời người làm thuê vui lòng mau việc, mà thành của cải được nhiều, hai là do vì lúc ấy Đế-vương sợ thế lực của-quần-hầu, (các nước nhỏ) cho nên kết thạc với nông dân, để mà giảm lần quyền thế quần-hầu.

Hai đều đó tuy là làm một cái nguyên-nhơn cho việc ấy thật, song thọ cái sức cảm hóa của tôn-giáo ta cũng không nên chối vậy.



CHƯƠNG THỨ BA

KINH-TẾ-HỌC VỀ THẾ-KỶ THỨ 16

Đến thế-kỷ thứ 16, thời bao nhiêu việc đại-sự ở trên thế giới đều tiếp gót mà ra, mà bao nhiêu học-thuyết, tư-tưởng, chế-độ và trạng-thái của nhơn-quần, cũng đều từ đó làm một lần thay đổi cả. Kẻ mấy đều lớn như là : nước Đông-La-mã đế-quốc

bị giết vong; sự biến-động lớn trên địa-lý-học là tìm được châu-Mỹ ; phép chế hỏa-dược, và phép in sách phát minh ; cổ-học của Hy-lạp và La-mã phục-hưng ; cuộc tôn-giáo cải cách ; những việc trên đó, đều là sự nghiệp lớn lao kinh-thiên động-địa, hốt nhiên làm cho lịch-sử Trung-thế và Cận-thế chia ra một trời một vực vậy ; những việc ấy đều có quan hệ cho quốc-chánh và nhơn-quần, còn các việc lớn khác, lại chuyên một mặt quan hệ về kinh-tế vẫn chẳng ít, thử kể lược như sau.

1° Vì mới tìm được kim-khoáng ở châu-Mỹ, mà quí - kim (vàng bạc) đem về châu-Âu ngày một thêm nhiều, khi ấy chế-độ kinh-tế về cách thiên-nhiên, bèn đổi hẳn mà thành chế độ kinh-tế về cách thông-hóa, nhưt thiết trao qua đổi lại ròng dùng cả bạc vàng, không như đời Trung-thế nữa.

2° Chế-độ ngân-hàng chi-tê nổi lên, mà lan khắp cả mọi chỗ.

3° Các nước thờ tôn-giáo mới, thời bao nhiêu tài sản mà trước kia giáo hội chiếm lãnh, đều thâu về làm công điền cả, vì có ấy nên những hạng dân nghèo ngày trước nhờ được giáo-hội thương mà chu cấp cho, thời bấy giờ đều mất chỗ trông cậy, càng khổ thêm, bèn phải biệt lập ra chế-độ từ-thiện để giúp đỡ.

4° Chế-độ phong-kiến đã bỏ, mà quân-quyền chuyên-chế lại lên, nuôi binh nhiều chừng nào thời

dùng của thêm chừng ấy khi đó chánh-phủ dùng chánh-sách can-thiệp với công thương để mưu sự phú-cường vậy.

5° Thế-giới cũ (châu-Âu) cùng với thế-giới mới (châu-Mỹ) thông thương ngày càng thịnh, mà chế-độ mới ở trên thương-vụ cũng nhân đó mà phát-sanh.

Vì các cơ đó, cho nên học-giả đương lúc ấy, phần nhiều đều cốt sự thiết-nghiêm, không phải như khi trước chỉ bằng theo triết-lý nữa. Những đều cần giảng - cầu, đều là các hiện - tượng về hóa-thực mà thôi.

Nhà chánh-trị tối-trứ-danh ở thế-kỷ thứ 16, là ông Giang-bô-đinh (Jean Bodin-1530-1596) làm ra bản « cộng-hòa chánh-trị luận » (La République) luận về phép lấy kinh-tế học-lý mà tổ-chức quốc-gia, thời cho là quốc-gia lập lên, tất phải điều-hòa với tự-nhiên, địa-thế và khí-hậu.

Luận về thuế hải-quan (cửa bể) thì bảo phải lập một cái chế hạn cho thích độ. Luận về việc tài-chánh, thời bảo nên dùng phép đánh thuế vật-sản.

Hồi cuối thế-kỷ 15, nhà chánh-trị ở nước Ý là Bô-tơ-rô (Giovanni-Botterro) cũng đã làm sách luận đến công dụng của sản-nghiệp và những chánh-sách thương-nghiệp, nhơn-khẩu, thực-dân, tô-thuế.

Ngoài ra còn có Ma-ri-a-na (Mariana-1536-1623) và Gơ-rê-go (Grégoire-1597) hai người nữa. Ma-ri-

a-na luận hóa-lệ và vật-giá, cùng nói về ngoại-quốc thông-thương, nên lập cho có định - chế. Gơ - rê-goa làm ra bản sách « cộng-hòa luận », vầy bủa cả bao nhiêu tư-tưởng kinh-tế-học đương-thời ; song nghị luận xuất tự mình sáng nghĩ ra thời cũng ít.

Mấy nhà chánh-trị-học nói ở trên đó, đều chuyên về tình trạng kinh-tế-học mà rành-rành nghiên-cứu vầy. Trong khoảng ấy, lại có một phái nữa. Nhà văn-sĩ cùng nhà triết-học, thấy sự thảm-họa chiến-tranh, việc chánh rối loạn, muốn đem cái chủ-nghĩa cộng-sản của Bo-la-tông, lập ra một nước lý-tưởng. Trong đó có một vị tối trứ-danh là quan đại-lý nước Anh là Mô-rơ (Sir Thomas More-1531-1590) làm một bản sách tên là Ô-thác-bang (Utopie) nghĩ lập ra một hòn đảo, tình trạng tả ra một nước thiên-nhiên cực lạc. Bản sách ấy, khúc trước thời kể rõ bao nhiêu thảm-trạng ở đương thời, khúc sau thời họa ra một nơi lạc-quốc đại đồng, song cái ý hoài-bão, không nói rõ ra, chỉ gởi thác vào chỗ văn-chương du-hí để tự ngụ vầy thôi.

Tuy thế mà trong các pháp-lệnh của nước Anh, công bố mấy năm gần đây thấy những điều chép trong sách Ô-thác-bang, mười phần đã có năm sáu. Xem thế, thời sự lý-tưởng của vĩ-nhơn giúp đỡ cho thế-giới, chẳng cũng to tác lắm ru ! Còn ngoài ra như Đức-nại-bố-nhi-ná ở Ý-đại-lợi, Phật-Linh ở

Nhứt-nhĩ-man, cũng đều làm nổi dậy cái thuyết ấy lên.

Lại lúc đó, bao nhiêu nghị luận ở trên đường kinh-tế, phần nhiều là vấn-đề trái tức cả mà k' i nào đến chỗ khó khăn thường nương theo phái tôn-giáo. Từ đời Trung-cổ trở xuống pháp-luật của tôn-giáo, đều cấm sự cho vay lấy tiền lợi tức, song từ khi việc buôn bán ngày càng thịnh, dân gian về sự vay mượn làm ăn, ngày càng nhiều, khi ấy kẻ cho vay và kẻ chịu vay, đều hơn theo đại thể tự nhiên mà tự đi giao thiệp riêng với nhau, rồi tự đặt ra cái phép ước-tề riêng, hoặc dùng khế-khoản, hoặc dùng chi-tề, mà pháp lệnh không thể sao cấm được nổi; học-giả thấy vậy bèn phải nghiên cứu đến bề lợi hại. Khi ấy luận-giả đều cho sự vay mượn, vốn là lấy sự ân tín đẳng buộc nhau, chứ lấy tiền lợi tức là bất nghĩa.

Tuy thế, những nhà cho vay mượn, hoặc có khi bức sách rằng phải trả ơn một cách cho xứng đáng, thì cũng cứ được cả : như là khoản phí dụng về sự chuyển thân tiền bạc, cùng cách yêu cầu về sự bảo hiểm vay mượn, đó cũng là quyền lợi của nhà trái-chủ phải có, chứ không phải cho là một hạng với lợi tức được. Theo những lời bàn bạc trên đó, thời việc trái tức, cũng đã thắm cho là được có cả rồi.

Đương lúc ấy, trong phái tân-giáo có Luy - tê (Luther) cũng đồng với bọn cựu-phái, bài bác cái thuyết tức-tá ấy.

Những nhà kinh-tế-học về thế kỷ thứ 16, thảo luận vẫn nhiều, nhưng phần nhiều là vấn-đề hóa-tê cả, bởi vì đương lúc ấy, nước Mỹ mới tìm được các núi mỏ, đa dĩ các nước quân-chủ ở châu Âu lại đúc thêm ra bạc xấu, cho nên học-giả đều chú ý vào đấy cả, như là : nhà cách-trí luận về tánh-chất « quí-kim » thường thường hay nói đến hóa-tê; nhà pháp luật thảo-luận về pháp-lý thường gọi là : nếu bản vị của hóa-tê mà biến đi, thời công dụng của pháp-luật cũng tùy theo đó mà biến đổi.

Tuy thế, các nhà nghị luận, còn chưa được sáng rõ lắm, là bởi vì họ đem bản tánh của hóa-tê cùng với ấn-chứng của kẻ đúc tiền-tê mà lẫn lộn làm một vậy.

Còn ròng đem kinh-tế học-lý ra mà luận hóa-tê, thì thiệt mới có một nhà thiên-văn-học trứ danh là Cô-bê-ních (Copernic-1473-1543).

Cô-bê-ních năm 1526, vâng lệnh vua Ba-lan, làm một thiên hóa-tê-luận, thích rõ cái tánh chất của hóa-tê, nói rõ ràng bạc xấu có tổn cho đường kinh-tế, hại cho đường pháp-luật, không sửa gấp cái tệ ấy thời không được, như ông nói : « Phàm nước « nhà mà sở dĩ suy mất mau chóng, nguyên hơn « không phải một mối ; song, chỗ mà tôi nhất sợ, « chỉ có bốn điều : nội loạn, dịch-lệ, đất đai sạn sỏi « và tiền bạc xấu-xi. Ba điều trên hiện tượng rất rõ « rằng ai cũng dễ thấy, duy đến điều hóa-tê (tiền « bạc) thời dầu có kẻ đạt-quan cũng có khi không

« nghĩ đến, là sao ? ôi ! sở dĩ làm suy vong nước
« nhà của người, có phải là bị chết ở dưới một trận
« chém giết đâu ! Cứ dần dần tới tới mà làm hao
« mòn, rút lấy ở trong khoảng vô-hình mà không
ai tự biết ». Lời nói ấy, khá gọi là thâm thiết rõ
ràng lắm, thế thời Cô-bê-ních chẳng những là một
tay lỗi-lạc về khoa-học thiên-văn mà cũng là một vị
công thần của khoa kinh-tế-học vậy.

Vấn-đề vật-giá cao quí, cùng vấn-đề hóa-tệ, có
quan hệ mật tiếp với nhau nhiều lắm. Vào khoảng
nửa phần sau thế-kỷ thứ 16, ngạch hóa-tệ lưu-
thông của các nước, tăng lên một cách lạ thường,
rồi tự nhiên vật-giá nhảy lên, không sao níu lại
được. Năm 1574, Giang-bô-dinh làm một bản sách
có nói : trong khoảng trước sau 70 năm, nhứt
thiết vật giá đều nhảy lên xấp mười, hoặc xấp
mười hai, bao nhiêu hiện-tượng ấy, khiến cho
nhơn dân châu-Âu vừa khiếp vừa sợ, làm long tai
choáng mắt của những bạn học-giả đương thời
không thể ngồi yên mà không tìm nguyên-nhơn để
cứu chữa được.

Khi ấy Giang-Bô-dinh trước luận hai thiên, suy
đến nguyên-nhơn nói rằng : « Một là nước Mỹ xuất
bạc mỗi ngày thêm nhiều, thành thử hóa-tệ tăng
lên; hai là ngoại-quốc thông thương ngày càng đông,
và số nhà ngân-hàng đổi chác mua bán ngày càng
cao ; ba là chế-độ hóa-tệ biến đổi. »

Nói đến phương-pháp cứu chữa, thời nói rằng :

« Nên dè nén hóa-vật của ngoại-quốc, chớ cho nó lên xuống quá độ, để cho sự-nghiệp chế-tạo của bản-quốc, ngày càng tấn-bộ », lấy đó làm chỗ pháp-môn nhứt định. Lại, đương lúc đó, một nhà báo nước Anh, có bài văn - luận đấu tên luận vật-giá về năm 1580, mà luận đến chỗ nguyên-nhơn vật-giá sở dĩ cao lên, thiệt rõ lắm. Còn phương-sách cứu chữa, cũng lược đồng như Giang-bô-đinh.

CHƯƠNG THỨ TƯ

CHỦ-NGHĨA TRỌNG-THƯƠNG

(*Système mercantile*)

Chủ-nghĩa trọng-thương là cốt lấy sự « giữ gìn bạc vàng (kim-tê) không cho lọt ra nước khác » làm một phép lợi dân yên nước có một không hai. Những học-thuyết ấy, cứ theo ngày nay mà xem, thời sự lắm lời không đợi nói nữa; song cái thuật trị-tiêu lúc bấy giờ, không làm như thế cũng không được, cho nên ngọn sóng đập đến đâu, thời nghe ầm ầm đến đó ; chủ-nghĩa ấy Á-dam đặt tên là « Chủ-nghĩa trọng-thương » và cũng đặt tên là « Mậu-dịch-sai suất » (*Balance du système commercial*). Ở bản Nguyên-phủ, về biên thứ tư, nói về chủ-nghĩa ấy rõ ràng lắm. Học-giả đời sau, hoặc cho là chủ-nghĩa hạn-chế (*Système restrictif*), lại cho là chủ-nghĩa Côn-bê (*Colbertisme*), vì vị danh-

tướng nước Pháp tên là Côn-bê (Colbert) bắt đầu thiết-bành chủ-nghĩa ấy đem ra làm quốc-chánh.

Vì chủ-nghĩa trọng-thương, đã lấy sự « giữ gìn hóa-tệ » làm đại-kế cho nước nhà, cho nên trong khoảng các nước buôn bán với nhau, chỉ cầu hàng hóa xuất khẩu cho nhiều, mà hàng hóa nhập-khẩu ít đi, bởi vì về ngạch xuất khẩu và nhập khẩu hai bên tính ngang nhau rồi, hễ nước nào mà có số dư thời là nhờ được mỗi lợi của nhà thông-thương, nếu không, thời bị hại, khi ấy bạn học-giả bàn bạc, nhà chánh-trị kinh-doanh, ai ai cũng gấp gấp chăm làm về đạo ấy cả.

Đạo ấy có hai nẻo : một là khuyên thưởng những nhà có hàng-hóa xuất-khẩu, hai là ngăn trở những hàng-hóa nhập-khẩu.

Phép làm ngăn trở thế nào ? Phẩm vật của nước khác chế tạo ra, cấm không cho vào nước mình, phỏng không thể cấm được, cũng phải đánh thuế nhập - cảng cho nặng, khiến cho ngoại-hóa tới ít bớt đi. Song còn có những đồ nguyên-liệu thô-phẩm, sanh sản ở nước khác mà có thể làm đồ dùng để chế-tạo hàng-hóa của nước mình được, thời chẳng những không cấm nhập-cảng mà lại khuyên thưởng thêm nữa ; bởi vì lúc mua đồ nguyên-liệu đó, tuy có đồ tháo một đôi chút, song ngày khác làm thành hàng-hóa, lại đem bán cho ngoại-quốc, cũng đủ bổ vào sự đồ tháo đó mà lại có dư nữa. Lại, những đồ nhứt-dụng ăn

uống cần kíp, cũng cho tự do nhập-cảng, bởi vì những đồ cần dùng mà giá được thường, thời số tiền thuê của bọn làm công có thể giảm xuống được, mà số tiền kinh-phí về sự chế-tạo cũng ít đi, thời dễ tranh với đồ ngoại-hóa vậy.

Cách khuyến-thưởng thế nào ? đồ chế-tạo của bản-quốc xuất-cảng, thời tha khỏi quan-thuế, có khi lại lấy của nhà nước mà giúp đỡ nữa ; cùng với ngoại-quốc kết điều-ước thông-thương, chỉ cầu chiếm được lợi ích đặc-biệt ; lập ra chế-độ ở các chỗ « thực-dân » cho nghiêm, khiến cho những nhà chế-tạo ở mẫu-quốc, được bủa mối lợi ở các thị-trường bên xứ thực-dân, không cho nước khác tới lấy những đồ nguyên-liệu ở xứ thực-dân, để chuyển đem bán cho mẫu-quốc ; đó là chế-độ đại-lược như thế vậy.

Luận-giả về học-phái này, thường coi nghề công thương trọng hơn nghề nông. Vì có khuyến thưởng nghề công, cho nên bọn thợ ngoại-quốc giới tới ở đông, rất hoan nghinh lắm.

Hễ ai tự sáng ra được tân-pháp, chế được tân-khí, thời cho được quyền chuyên-lợi. Lại, cốt xếp yên nội-đoàn, không cho tranh cạnh, để chuyên sức mà tranh với nước ngoài. Phàm những điều đó, đều là cương-lãnh ở trong phái này vậy.

Đồng-thời, những người trong phái này nhiều lắm, đều có ý-kiến khác nhau. Trong nơi bàn-bạc mà ai ai cũng đồng vào một đường, chỉ có mấy mục như sau này :

1° — Xem hóa-tệ (tiền bạc) làm qui lắm, nên lấy sự thu-dầu tiền của cho được nhiều làm hơn.

2° — Coi thương-vụ trong nước không trọng bằng thương-vụ quốc-tế, coi sức sanh-sản không cần bằng sức chế-tạo.

3° — Lấy nhơn-khẩu trù-mật làm cốt-yếu cho sức nước, nên cần kiếm cách làm cho dân nhiều hơn nước láng giềng.

4° — Vì muốn làm cho đạt các mục-dịch trên đó, nên cần đem sức chánh-phủ ra giúp cho mau thành.

Những bộn về phái trọng-thương, ở chỗ nhỏ nhen tuy có nghìn sai muôn khác, song nói đến đại thể, thời không ngoài bốn điều ấy.

Còn, sở dĩ vì sao mà sanh ra phái ấy (trọng-thương) xin lược luận như sau này :

(A) Châu-Mỹ đã tìm được mỏ vàng mới, rồi vàng sanh sản thêm nhiều. vì vậy mà tiền-tệ ở châu-Âu nhờ ảnh hưởng đó rất lớn.

Cách giao-dịch lúc trước đã là tuyệt mất, rồi cách hối-đoái lần lần khởi lên, những chỗ xa xuôi, giao thông ngày càng mở rộng, khi ấy nghề nghiệp ở chốn thành ấp thanh hơn nghề nghiệp ở chốn thôn quê, trọng của lưu-thông hơn của để-nằm, luận-giả cho tiền của là đều nhơn-sanh cần kíp thứ nhứt, hễ có tiền thời không vật gì mua không được, không việc gì làm không nên, một người như vậy, người người kết tập thành quen, nước sở-dĩ gây nên, cũng nhờ cái đó làm công-dụng rất to tác vậy.

(B) Buổi đó; các nước lớn nổi lên lần lần, chánh-phủ nào hễ có sức mạnh thời lấy làm trọng. Vì có chánh-phủ dưỡng-binh, nên sự cần kíp nhất là tráng-dinh và kim tiền vậy.

Da dĩ quan-lại ngày một lằng thêm, những sự phí dụng ở trong cung, cũng to lớn lắm, lúc trước của quốc-thắng mỗi năm thường cống vào, đến khi ấy không sao châu cấp đủ được, nên không thể không lấy thêm ở chỗ tô-thuế ; mà lúc đó nhà chánh-trị có kẻ đã suy thấy đến lẽ «bách-tánh-bất-túc, quân-thực-dữ-túc » (nghĩa là trăm họ không đủ, thời nhà người còn đủ với ai) cho nên lo lấy sự dân giàu làm cốt yếu, mà lại cho rằng cái chức làm cho dân giàu, nghề nông không bằng nghề công ; bởi vì, nghề chế-tạo một là tay đem dân ở chỗ xa đến, hai là hay tăng thêm phẩm-vật xuất-cảng, cho nên chánh-phủ chẳng tiếc gì, đem hết toàn-lực để giúp đỡ cho, vì thế mà nghề làm ruộng phải hoãn đi một bước vậy.

(C) Hễ nước nào có đất thực-dân, thời khu-vực của nghề buôn càng mở rộng, mà nghề thợ (công) phát-đạt cũng thêm nhiều, cho nên nhà chánh-trị thường coi chỗ thực dân làm nguồn-của-mới (tân-tài-nguyên) của mẫu-quốc mỗi năm mỗi thâu vào. Mà đương lúc ấy, dân các nước sở-dĩ được tự-khoe thế lực của mình, chẳng những ở chỗ chánh-trị, mà càng ở chỗ hóa-thực, cho rằng nếu muốn ưu-thắng hơn người ta, thời trước phải trông mong thành hiệu ở chỗ đó. Khi bấy giờ, coi quốc-kế chẳng

khác gì gia-kế, chánh-phủ tự lấy vai gia-trưởng ra gánh vác mà chấp-hành, bồi dưỡng những nghề-nghiệp công, thương và chế-tạo.

Vì sự cố làm cho sản nghiệp phát đạt, dùng hết cách - thức, làm sao cho đồ xuất-cảng phẩm chất khéo mà giá rẻ, làm sao cho ở chỗ thị-trường ngoại-quốc, được giữ gìn địa-vị của dân nước ta, vì những cơ đó, mà Chánh-phủ phải coi dân như con, tất cả bao nhiêu nghề nghiệp thực-sản ở trong nước, hoặc gián-tiếp hoặc trực-tiếp, đều có Chánh-phủ giám-dốc cả.

(D) Phàm vật-phẩm nhập-cảng mà đánh thuế nặng, lúc đầu chẳng qua vì cơ lấy cho đủ trong nước tiêu dùng, sau lại biến làm mục-dịch bảo-hộ cho quốc-sản. Xem thế thời biết chủ-nghĩa trọng-thương, lúc đó thiệt bức theo tình thế không làm không được, công việc rất rõ ràng, nay xin bàn thêm sự đặc-thất:

Từ đời Á-dam trở lui, thời chủ-nghĩa này, bị đánh xé rất kịch-liệt, đến nỗi trong mình không còn tấm da nào lành lặn nữa, tuy thế, lời luận này có nghiêm - khắc quá ; đương lúc đó các nước vì theo chủ-nghĩa ấy, mà quần-trị được phát-đạt cũng chẳng ít, thời cái công hiệu của chủ-nghĩa trọng-thương lại há dễ bỏ qua ! Vậy nay xin thay lời mà hộ biện

Có kẻ nói rằng «Phái trọng-thương quăng bỏ nghề nông, ấy là bỏ gốc mà theo ngọn.» Song kỳ

thiệt không phải thế, lúc ấy việc nên trước . nên sau, nên hoãn nên gấp, cũng phải nên như thế mới được.

Bởi vì nghề làm ruộng thời phải nương vào thổ-địa, mà thổ-địa lúc ấy còn ở vào tay phái quý-tộc (phong-kiến). Quý-tộc có tánh-clất bảo-thủ, nếu khiến theo tân-pháp để làm đường sanh-sản, chưa chắc họ đã nghe, mà lại không chịu cùng với bọn làm công để cùng nhau rán sức, cho nên lúc đó muốn cho nghề nông tiến-bộ, thế không sao trông mong được nữa. Tuy thế, nghề nghiệp ở nơi đô-ấp (ấp-nghiep) cùng nghề nghiệp ở chốn thôn quê, (dã-nghiep) thường có nương cậy nhau lắm, hề ấp-nghiep thanh vượng, thời dã-nghiep cũng tùy theo mà tấn tới; thế thời trọng thương-nghiep chính là gián-tiếp để đem đường cho nông-nghiep vậy.

Vả dân-trí chưa được mở mang, quần-lực chưa thành đoàn-thể, nên có C ánh-phủ can-thiệp vào mà khu sách cho, dụng hết công-phu làm cho phát đạt thêm lên, nên chỉ các giống kỹ-thuật đương lúc ấy tấn-bộ thiệt mau, da-dĩ hấp tập thêm những chức-công của ngoại-quốc, giảm nhẹ bớt phụ-dỡm của nghề nghiệp trong nước mình, đều làm thêm sức mới của sự sanh-sản một nước. Phàm những công việc đó, Á-dam cũng phải chịu cho là có thành hiệu vậy.

Thử kể trong các sử-thặng để làm chứng :

Kìa như Côn-bê lập ra chế-độ bảo-hộ, (từ năm 1661, đến năm 1683) Co - rông-ven (Cromwell) ban ra những điều-lệ «hàng-hải» đều có đại lợi cho nước Pháp nước Anh, mọi người ai nấy cũng đều cho việc ấy là có cả.

Thế thời chủ nghĩa trọng-thương có bổ ích cho sự tảo bộ của đường kinh-tế to tát lắm, vẫn rõ ràng không sao chối được, mà người đời sau công kích coi như rắn-rết, không khác gì công kích chánh-thể chuyên-chế vậy. Ôi ! chánh-thể chuyên-chế ở vào các nước văn-minh đời nay, vẫn không sao dung cho nó để còn di-nghiệt lại được, song đương lúc nhơn-quần kết-hiệp chưa được bền chặt thời chánh-thể ấy lại khá thiếu được ư ! Vậy thời chủ-nghĩa trọng-thương cũng chẳng khác gì thế.

Tuy vậy, trong đó có chỗ nghĩ lắm, cũng không phải ít, nay xin y theo chỗ chỉ-trích của họ Khoa-Sa, kể những điều khuyết-diểm như sau : Chỗ lắm lỗi của chủ-nghĩa trọng-thương toàn do vì coi trọng hóa-tệ thái-quá ; song mà sở dĩ đến nỗi lắm lỗi như vậy, do có mấy điều :

1° Do vì, không biết cái công - dụng của kim ngân, ở nơi giao-dịch, mà tánh-chất nó chỉ đủ làm then máy cho cơ-quan buôn bán mà thôi.

2° Do vì, không hiểu sự lên xuống của giá vàng bạc nên chỉ không những coi theo chỗ có số

vàng bạc ít hay nhiều, mà lại như sự lưu-thông gấp hay hoãn mà làm biến động vậy.

3° Do vì, không biết những vật dùng để giao-dịch đó, không phải chuyên ở một mình ngành-hóa (của chất rắn, như vàng, bạc, đồng) mà lại có những vật gọi là tín-dụng-chứng-khoán nữa (như là bạc giấy và phiếu của nhà ngân-hàng v. v.) cái đó, chế-tạo tốn hao ít mà lưu-thông lại được tiện nhiều.

4° Do vì, không biết hàng-hóa xuất-khẩu nhập-khẩu tự do, chính là chỗ lợi-dụng sức kim ngân để làm cái diệp-sách đem chỗ dư mà bù nơi thiếu vậy.

5° — Do vì, không hiểu cái nguyên-lý bên này bên nọ giao-dịch cùng nhau, không nhẽ nước này mua nhiều mà bán ít, nước kia mua ít mà bán nhiều; nếu vậy, thời sự quyền hoành (cân nhắc) của nhà buôn, không sao giữ mãi được, rồi rút cục cũng suy bại thôi; không biết rằng bên này bên nọ cùng lợi với nhau, mà phần mình vẫn cứ có lợi vậy:

6° — Do vì, không biết điều-ước thông-thương, là tùy ý-nguyện của hai bên kết hiệp với nhau, nếu ta cố không đem lợi mà cho người, thời người cũng chẳng tội gì đem lợi cho ta, cò hể đeo nhau, hai bên đều không có lợi, xem những điều trên đó, thời bao nhiêu lầm lỗi, đều như đó mà ra.

Nói tóm lại, những nhà bàn luận về chủ-nghĩa trọng-thương hoài bão một cái mục đích không thể

làm được, rồi cứ trù-hoạch những thủ đoạn nọ kia để theo đuổi đến khi cuối cùng, thành cái kết quả xấu chưa hề nghĩ đến, vẫn như thế cả. Như, khuyến thưởng những hàng hóa xuất cảng, mà lấy tiền của nhà nước giúp đỡ thêm cho, rút cục lại, món tiền xuất ra mà giúp đỡ đó, đều ở nơi tô thuế cả, chỉ khiến nhơn dân gánh vác càng thêm nặng mà thôi. Như, ngăn-trở không cho ngoại-hóa vào, mà thuế cửa biển cho nặng, rút cục lại, những vật nhập-khẩu mà tiêu-thụ đó, đều bán cho người trong nước dùng cả, hệ thuế cửa nặng thời giá hàng cao, trở lại làm trở ngại cho sự nhứt-dụng của người trong nước mà thôi vậy.

Cho nên ở vào thời-đại bây giờ là thời-đại kinh-tế-giới trở tươi vụt lớn, những phương sách ấy, lưu tệ rất nhiều.

Luận-giả về phái ấy lại xem kim ngân làm trọng, cốt cho trong nước đầy ng ập, mà không cho lọt ra ngoài, trong ý nghĩ rằng hai nước giao-dịch với nhau, hệ nước này có lợi thì nước kia bị hao ; cứ vậy mà hai bên đối đ ăi nhau, ai cũng muốn tồn-nhơn để ích-kỷ, trên đường kinh-tế, bao nhiêu tình ác cảm sanh ra; đương lúc đó, các nhà chánh-trị bị cái lý-tưởng ấy làm mê hoặc cho, trong khoảng hơn 200 năm mà động việc can qua đã gần đến 50 năm, nguyên nhơn sở dĩ khởi ra sự chiến-tranh đó, đại-đề đều bị cái mê-kiến ấy làm lầm lỗi cả.

Hỏi ai thủ-xương ra chủ-nghĩa trọng-thương này, thời không thể chỉ rõ vào ai được. Vả chẳng đương khoảng thế-kỷ 14, 15, bị ngọn phong-cáo xã-hội, âm ầm nổi lên, chẳng biết do ở đâu mà đến. Chỉ như hồi đó về cái luận « Quí-kim », thời từ Xi-xơ-rông (người La-mã) đã xương khỉ lên, mà qua thế-kỷ 14, phái trọng-thương bèn tuân phụng lấy, cho kim-ngân tức là tài-phú, mà tài-phú tức là kim-ngân, lời nói đó lồi lằm, tưởng không cần phải bàn bạc nữa, song e còn chưa hiểu rõ nguyên lý được mấy, vậy xin thử kể một bài ngụ-ngôn ở trong sách tây, để cho vỡ lẽ :

« Xưa có một tên nông-dân, ở nước Phú-lê-Tra,
« bắt được một vị mục-sur (giáo Bách-đa-sĩ) đem
« dâng cho vua là Mê-đả-sĩ, vua hậu-đãi vị Mục-sur
« ấy hơn một tuần nhứt, khi làm lễ tổng-tiên khiến
« người đưa mục-sur về, mục-sur hỏi vua sở thích
« cái gì thì xin cho được cả ; vua là người tham-
« si, bèn nói rằng : « tôi muốn bắt câu vật gì hễ
« đụng đến tay tôi, thời hóa ra vàng, có được
không ? »

« Mục-sur nói : « cái đó không khó chi, thế mà vua
« sở-thích không có cái gì hơn cái đó nữa hay sao ? »
« Vua vẫn không hiểu gì cả ; mục-sur về rồi, bèn
« xuất thần lực, khi ấy vua bẻ một nhánh cây,
« nhánh cây hóa ra vàng, lượm một hòn đá, hòn
« đá hóa ra vàng, mở cánh cửa, cánh cửa hóa ra
« vàng, rửa tay thời nước hóa ra vàng, thay áo

« thời áo hóa ra vàng, dọn cơm ra ăn, mà
« thịt, chả, bánh, trái cũng đều hóa ra vàng cả; song
« vàng không đủ dỗ dối cho vua, dỗ lạnh cho vua,
« vua ôm lấy không biết bao nhiêu tài báu ở chung
« quanh vua, mà ngồi chịu đói rét gần đến chết ;
« lúc ấy vua mới sám-hối, nhứt thiết mà kêu van
« với mục-sư, mục-sư mới lãnh cho, bảo xuống
« tắm dưới sông Bá-đức-lạp-sĩ, để tẩy trừ bao
« nhiều vàng của ấy đi, cho theo giòng nước chảy.
« khi ấy vua mới đại - ngộ (tỉnh ngộ nhiều lắm)
« bèn tự phẫn-lực theo việc nông-lap để khuyên
« bảo quốc-dân, nước mới thành giàu mạnh ».

Xem thế thời biết, vàng bạc cùng với tài-phú, không phải là đồng một vật, vàng bạc chẳng qua là đồ để trao đổi cho nhau, phỏng không cần gì sự trao đổi cho nhau nữa, thời vàng bạc cùng loài ngói gạch cỏ rác có khác gì đâu ! kẻ ngu muội không biết xét, coi làm đồ quý-báu, thời có khác gì vua Phú-lê-tra ?

Hồi năm 1492, Cô-lông (Colomb, tàu gọi là Kha-luân-bố) tìm được châu Mỹ, khi ấy hai chỗ thuộc-địa của Tây-ban-nha là Bê-rô (Pérou) và Mễch-xích (Mexique) khoáng sản thật nhiều, thành thử vàng bạc trôi về Tây-ban-nha ngày chồng tháng chất, vua Tây-ban-nha vui vẻ vô cùng, càng lo để cất giữ ở trong nước, bèn ra lệnh cấm không cho đem vàng bạc ra ngoài.

Tuy thế, phạm vật buôn bán ở chợ hề nhiều người bán mà ít có người mua, thời vật-giá tự nhiên

hạ xuống, đó là nguyên-lý của kinh-tế-học nhứt định không sai. Vật đương giá thấp khi không vọt lên giá cao, thế là như nước chảy chỗ thấp, thiết không phải nhưn lực làm ra được, cũng là nguyên-lý của kinh-tế-học nhứt định không thay đổi vậy.

Ở Tây-ban-nha, vàng bạc đem bán, đã đầy tràn quá hơn số người đi mua, thành thử giá vàng phải tự nhiên hạ xuống, giá vàng mà đã hạ xuống nhiều, thời nhưn-dân trong nước đem vàng bạc bán cho ngoại-quốc lại được lợi nhiều, dầu cho phép dữ hình nghiêm, cũng không sao cấm nổi. Khi ấy nước Tây-ban-nha được giàu trước thiên-hạ, hơn hở có vẻ đặc chí lắm, không kịp trong khoảng nháy mắt mà lại phải nghèo trước thiên-hạ, trăm nghề lụn bại, thế nước suy đồi, mãi đến ngày nay.

Than ôi ! học-lý không minh, hễ làm một việc gì mà không nhằm lẽ, rốt cùng bị hại đến nỗi như thế, khá không coi đó mà lo âu !

Nhưng đều cấm lệnh đó lầm lỗi vẫn không đợi nói nữa, song nếu lấy đều đó mà làm lời nói đề công kích chủ-nghĩa trọng-thương, thời cũng không được thỏa ; bởi vì chủ-nghĩa trọng-thương và chủ-nghĩa trọng-kim có khác nhau, mà phái trọng kim chẳng qua là một tiểu phái ở trong phái trọng-thương mà thôi, nên không khá thiên một bên mà chò là quấy cả.

CHƯƠNG THỨ NĂM

KINH-TẾ-HỌC VỀ THẾ-KỶ 17

Các nhà kinh-tế-học về thế-kỷ 17, có thể chia ra ba hạng : 1) hạng chuyên chủ-trương về chủ-nghĩa trọng-thương ; 2) hạng phản đối luận « mậu dịch sai suất », là mở đường cho chủ nghĩa « tự-do mậu-dịch » của thế-kỷ 18 ; 3) hạng chuyên nghiên-cứu các vấn-đề đặc-biệt, không có quan-hệ trực-tiếp gì với chủ-nghĩa trọng-thương.

Trong phái trọng-thương về thế-kỷ 17, tước-danh nhất thì có An-tô-ni-ô (Antonio Serre) người Ý-đại-lợi và Mông-cơ-rê-chiêng (Antoine de Montchrétien) người Pháp-lan-tây. Ở nước Anh thì có Tô-mát-mông (Thomas Mun) có làm bản sách luận về lợi-tệ của sự du - xuất và du-nhập kim-ngân ; trăm năm về sau, các học-giả Ý-đại-lợi và các nước khác đều tôn ông là tỷ-tổ của kinh-tế-học. Mông-cơ-rê-chiêng cũng làm sách luận về kinh-tế nhiều lắm, nhà đại-gia học-giả về khoa học ấy là Tiêu-Ba thường chú-thích, cho ông là một người đạo-sư thứ nhất trong khoa kinh-tế-học. Tô-mát-mông có làm hai bản sách « Anh-quốc-thương-nghiệp-luận » và « Đối-ngoại mậu-dịch trí-phủ luận », đương thời ấy đều nổi tiếng, các học-liệu trong nước đều dùng để làm sách giáo-khoa. Nhưng sau bị luận Nguyên-phủ của A-đam Si-miết hết sức công-kích.

Thuyết trọng-thương đã là một thuyết quyền-nghi nhất thời, nên cái sức phản-động không thể tránh được. Vậy nên về nửa trước thế-kỷ 17, những thuyết công-kích cũng đã dần dần nổi lên rồi, mới đầu thì sức vẫn mỏng không đủ để động tai mắt đương thời, nhưng đến nửa thế-kỷ sau thì có các nhà học-giả như Lọc-cơ (Locke), Hô-bê (Hobbes), Bê-ty (w. Petty), Cơ-nu (D. Knovs), Bếch-cơ-lê (Berkeley) Sin-đơ (Child) xuất-hiện, thì học-lý trải một cuộc biến-thiên, thực là làm tiền-khu cho thuyết trọng-nông của Á-đam Si-miết vậy.

Sin-đơ là một nhà buôn, ông có làm hai bộ sách «Mậu-dịch tân-luận», và «Mậu-dịch cập trái-tức chi quan-hệ », tuy vẫn chưa thoát-ly hẳn được cái thuyết mậu-dịch sai-suất, nhưng luận về tự do mậu-dịch của các thứ ngũ-cốc, cũng đã có ý-kiến cao rồi. Cái học-thuyết của ông mà có ảnh-hưởng nhất là chỗ nói rằng tức-suất mà xuống thấp, thời kinh-tế trong nước xu về mặt phiến-vinh. Ông lấy nước Hà-lan làm chứng, bèn xướng luận rằng nên lấy cái quyền-lực của quốc-gia, chế phép luật mà hạn cái lợi dư. Sau các nước đều thực hành thuyết ấy, thành ra sự lầm lỗi là tự Sin-đơ cả vậy.

Bê-ty trước thuật về kinh-tế, tài-chính, thống-kế đều có tiến-bộ nhiều. Ông làm bản « Hóa-tê-luận » (1682), « Tô-thuế cập phú-kim-luận » (1679), « Thống-kế-luận » (1682), « Ái-nhĩ-lan chính-trị giải-phẫu-luận » (1691), trong các sách ấy, đại khái cái yếu-

điểm là muốn lấy cái giá-cách tiền công thợ-cày hằng ngày, làm thành cái giá-cách nhất định, không biến được, lấy đó làm cái thước tỷ-lệ, để cân lường tất cả vật giá. Ông lại cho lao-lực là cái nguyên-tố sinh-sản duy nhất. Các nhà kinh-tế học ngày nay (về phái cổ-diễn) thì cho nguyên-tố sinh-sản là ba thứ : tư-bản, thổ-địa và lao-lực. Song ông nghiên-cứu học-lý về sinh-sản, có công làm tiên-đạo cho học-phái nước Anh, đều ấy không phải là nhỏ vậy.

Cơ-nu thường làm bản « Thương-nghiệp-luận » (1691), tuy học thức có kém Bê-ty, nhưng luận về tự-do mậu-dịch thì được rõ ràng lắm. Cơ-nu thường nói : « Muốn bàn về lợi hại của một nước, không những chỉ nên để mắt nhìn trong một nước mà thôi, mà phải phóng nhãn đến cả các việc mậu-dịch trên thế-giới, phải xem cả thế-giới như một nước cộng-hòa. Các nước buôn bán với nhau trong nước cộng-hòa lớn ấy, cũng như người người buôn bán với nhau trong một nước, cho nên một nước nào mà tổn thất, hẳn không một mình nước ấy chịu hại, mà cái hại lại ba-cập đến cả nhiều nước khác nữa. Điều ấy không thể tránh được vậy. Ông lại nói: Hóa-tệ chẳng qua là một vật-phẩm mà thôi, cái tính chất cũng không khác gì những phẩm-vật các nước khác. Hóa-tệ ở trong nước có nhiều hay ít, thường vì trạng-huống thương-nghiệp mà biến-cách, không phải sức người có thể sai khiến được. Cho nên hóa-tệ nhiều thì vật-giá lên cao, mà

cái ngạch du-nhập càng thêm, du - nhập đã thêm thì hóa-tệ chảy ra nước ngoài. Hóa-tệ thiếu thì vật-giá hạ xuống, mà ngạch du - xuất càng thêm, du-xuất đã thêm thì hóa-tệ trở vào nước. Song hóa-tệ chẳng qua là làm môi-giới cho sự nuôi đều dục-vọng và cấp cái yêu-cầu mà thôi. Một người cũng vậy, một nước cũng vậy, cho nên việc trọng yếu nhất của kinh-tế một nước là phải làm sao cho vật nguyên-liệu và vật chế-tạo mỗi ngày mỗi tăng. Đặt ra phép-luật để giữ cho hóa-tệ khỏi ra ngoài và bảo-hộ cho tài-sản đặc-biệt, đều là lăm lăm, được ích bất quá chỉ một vài người, mà chịu tổn thì đến cả nước v. v....

Béch-co-lê thì nghị luận cực-đoan lắm. Ông bảo hóa-tệ, không đủ làm hóa-vật được, thực chỉ là một cái phụ-khoản mà thôi, cho nên cái hóa-tệ hay nhất, không có gì bằng ngân-phiếu. Cái thuyết ấy đành rằng có quá khích, nhưng luận về hóa-tệ, không tại chỗ ít hay nhiều, mà ở chỗ lưu thông mau hay chậm, lời nói ấy thực là sâu sắc rõ ràng. Ông lại lấy lao lực làm tiêu chuẩn cho vật giá, đều ấy cũng hiệp với thuyết của Bê-ty. Ông lại chú trọng về sự phân-nghiệp, bảo nên hợp cả sự doanh-hư, tiêu, trưởng trong toàn thế-giới để thực hành phương sách phân nghiệp, thực là cái nguồn gốc của học thuyết Á-dam vậy.

Các học-giả kể trên ấy, đương hồi chủ-nghĩa trọng-thương toàn thịnh, xướng ra luận mới để phản đối, cùng xã-hội khiêu chiến, tuy đương thời

đur luận không tin trọng gì, nhưng đến thế kỷ 18 thì học thuyết các ông phát đạt lắm.

Ngoài ra ở nước Anh còn có người đảng-viên đảng cộng-hòa là Hấp-bình-đốn, năm 1640 làm bộ sách luận rằng thổ-địa trong một nước, không nên để riêng một bọn hào-tộc chuyên có. Nhà pháp-luật-học Hà-lan là Cơ-rô-tuyệt (Crotius), cũng làm một bộ sách nói rằng các thứ ngũ cốc xuất khẩu phải để cho được tự do, không thể lấy quyền lực của nhà nước mà hạn chế được. Còn các nhà trước thuật về kinh-tế học, luận về các vấn-đề đặc biệt cũng không ít. Các học-giả nước Anh, Pháp, Đức luận về hóa-tệ nhiều lắm, mà có tiếng nhất là bản sách của Lọc-cơ bàn về phép chỉnh-đốn tài-chính tinh mật lắm. Đời sau các án cải cách đều có lượm lặt trong bản luận ấy.

CHƯƠNG THỨ SÁU

CHỦ-NGHĨA TRỌNG-NÔNG

Về nửa phần trên thế-kỷ 18, thuộc về thời-kỳ quá-độ những học thuyết mới mẻ không được bao nhiêu; các nhà luận - giả rất là phiền - hà, mà học-thuyết cũng không có ảnh-hưởng gì đến đời sau lắm.

Nửa phần dưới thế-kỷ 18 thì quần-trị tổ-chức đã có vẻ mới, những nhà triết-học và văn-học lúc ấy, trở thêm bao nhiêu vẻ lạ, đều là mối-mạnh cho

sự cách-mạnh về đường tư-tưởng và chánh-trị. Khi ấy chủ-nghĩa cá-nhân mới có thể-lực; những bài luận dân-ước, bài luận nhơn-quyền, làm cho rung động một đời, là cốt để bài trừ cái quyền can thiệp của chánh-phủ, phóng cho nhơn-dân được tự-do. Phàm trăm thứ học-thuyết nào cũng t^heo mặt ấy, mà học-thuyết kinh-tế cũng là một phần. Cái chủ-nghĩa tự-do của kinh-tế học, đại-thành vào đời Á-đam Si-miét mà suy-nguyên thì thiết từ phái trọng-nông nước Pháp. Vậy nên nói về học-sử, có kẻ cho phái trọng-nông là mở một thời-kỳ mới cho học-thuyết này, là bởi thế.

Phái trọng-nông nguyên gọi là học-phái « tánh-pháp » (école physiocrate) bởi vì chủ ý thiên trọng nghề nông « lấy nông làm gốc » thành thử thường gọi tên là trọng-nông. Ông tỷ-tổ của phái này là ông Quê-nay người nước Pháp (François Quesnay-1694-1774). Ông ấy là con một nhà luật-sư, sinh ra ở chốn thôn dã, lớn học nghề thuốc giỏi có tiếng, làm Thị-y cho vua Louis thứ 15. Vua yêu lắm, nhưng tánh ông cương trực, không chịu theo cái chánh-sách hủ bại đời ấy, lại vì ông sinh ở chốn thôn-quê, nên ông biết rõ sự lợi hại của nghề nông, thành thử học-thuyết của ông thường hay khuynh hướng về nghề ấy. Ông có làm ra những sách « Kinh-tế-luận », « Quốc-kế-cách-ngôn », « Kinh-tế-học-chất-nghi », « Công-thương-nghiệp-luận » v. v. . . , sau lại, ông mới làm ra sách « Tánh-pháp-luận » (1768) đem

bao nhiêu tư-tưởng mới về chánh-trị, pháp-luật và triết-học mà hoà hợp với học-lý kinh-tế. Khi ấy học-thuyết kinh-tế mới thành ra một phái tân-học hoàn-toàn ; nay xin nói tóm lại những điều ước về học-thuyết của ông mà bàn luận như sau này :

Khoản thứ nhất, bàn về tánh-pháp, cũng gọi là pháp-luật tự-nhiên của trời đất, như là các nhà chánh-trị mà nói rằng nhơn-quyền là của trời phú cho vậy. Những người học-thức lúc bấy giờ như là ông Rút-xô (Rousseau) xướng lên cái luận «Thiên-phú-quyền-lợi», cho rằng nhơn-quần là bởi các phân-thể của mọi người kết hợp lại mà thành ra ; còn chánh-phủ là bởi những điều khế-ước của mọi người, đồng tình dao uỷ cho để mà xem xét làm việc vậy, cho nên cái quyền lực thống trị của chánh-phủ, phải có chế-hạn, trừ ra những việc làm theo khế-ước của mọi người đã uỷ nhậm đó, thời không được dụng ý can thiệp vào. Nay cứ trên mục kinh-tế mà luận, thì mọi người đều được đem sự lao-lực của mình, đổi lấy cái quyền-lợi sung sướng cả ; nói tắt lại, thì tài-sản là thần là thánh, bởi sức mệt nhọc của người làm lụng ra, như thế thì tất nhiên không nên có chút gì làm trở ngại, và bó buộc, sự ích-lợi mà do sự mệt nhọc làm được ra đó, phải cho người được tự hưởng lấy hoàn toàn, không ai xâm phạm được. Ông Quê-nay nói rằng : trên thế-giới có một cái

phép-tắc của trời đất tự-nhiên nhứt-định không thay đổi được, bao nhiêu nhơn loại đều ăn ở theo dưới phép-tắc ấy cả ; tức như kinh-tế cũng là một mối ấy vậy. Nếu cái phép-tắc của người định ra đối với cái phép-tắc thiên-nhiên mà có trái nhau, thì không có cái gì hại nhơn-quần cho bằng cái đó nữa. Vậy nên nhứt-thiết về đường kinh-tế của nhân dân, chánh-phủ phải để cho tự-lao, tự-hoạt, tự-do, tự-trị, mà không nên có một tý nào can-thiệp vào ; nếu chánh-phủ có can-thiệp vào, thì cũng như người xưa muốn cho lúa chóng tốt mà lại rút gốc lên vậy.

Khoản thứ hai bàn về việc «trọng nông».

Quê-nay cho rằng : trong hết thảy cả các nghề, duy nghề nông là có sinh lợi hơn hết, còn các nghề công, thương, đều là phân lợi mà thôi ; là vì hết thảy bao nhiêu phẩm-vật hữu hình, đều từ sức thổ-địa và sức thiên nhiên hòa hợp lại mà thành ra cả, duy có thổ-địa mới sinh ra được lợi mới, ấy là cái tánh - pháp của sự sinh lợi vậy.

Những vật mà đất sinh sản ra, trừ phí tổn về công deo giồng cấy cấy, còn bao nhiêu là phần lợi nhuận, trong cái phần lợi nhuận đó, một phần thì nộp thuế cho chánh-phủ, một phần thì nộp thuế cho địa-chủ, còn bao nhiêu thừa còn lại đó thì nông-dân được tự-do hưởng lấy ; hễ mà nghề nông thịnh vượng, thì của dư ấy được nhiều, của dư ấy nhiều thì nước nhà được giàu mạnh. Còn như nghề

công, thương là không có thể sinh lợi mới được ; nghề công thì chẳng qua biến cái hình của vật-phẩm mà làm thêm tốt giá, nghề thương cũng chẳng qua là đổi cái địa-vị của vật - phẩm mà làm cho cao giá đó thôi ; nhưng mà cái lao lực biến đi, đổi đi đó, lại không khỏi làm hao mòn vô ích mà cái lợi thiên - nhiên của nghề nông trở lại vì đó mà chia bớt đi ; hễ cái lợi nông mà bị chia ra nhiều, thì không phải sự hạnh - phúc cho nước nhà. Vậy nên muốn làm cho một nước được giàu, nếu bỏ cái phương sách khuyến-nông, thì không sao làm được.

Khoản thứ ba, bàn về « hóa-tệ ».

Quê-nay bác câu luận hiếu-hóa của phái trọng-thương, có nói rằng : « Vẫn biết nước nào tiền bạc nhiều là nước ấy giàu, nhưng không phải nhiều tiền bạc mới là giàu đâu, chính là có giàu mới nhiều tiền bạc vậy ; lời bàn của phái trọng-thương là làm đem kết-quả làm tạo-nhơn, chứ tiền bạc chẳng qua là đại biểu cho sự giàu, mà quyết không phải tiền bạc làm cho ra sự giàu được ; cho nên cái phương - pháp làm giàu, nếu không làm cho sản-vật của nghề nông ngày càng thêm lên thì không sao làm ra giàu được.

Vả nghề công, thương là nghề chia bớt lợi của nghề nông, mà phái trọng-thương lại bênh vực lấy, thế là làm 'ao bồn mà lại hại dân, cũng như leo cây tìm cá đó thôi.

Khoản thứ tư bàn về « tô-thuế ».

Quê-nay cho rằng : tô - thuế thì chỉ nên đánh thuế trực-tiếp, để lấy thuế đất đai mà thôi, vì đất đai là cái nguồn gốc của sự giàu, còn ra các thứ thuế gián - tiếp khác, rút cục lại, thì đều đổ cho nông-dân gánh vác cả, mà lại làm cho cái cách thâu-thuế thêm phiền tạp, và sự phí dụng, lại thêm nhiều, thiệt là vô vị lắm.

Đó là đại-khái về học-thuyết của Quê-nay như thế, ông lại đem người trong một nước chia ra làm ba hạng:

Một là hạng người sinh-lợi, như là hạng nông-dân làm đất ruộng;

Hai là hạng người giám-đốc, như là các chủ có đất ; các chủ đất là một hạng nông - dân lớn không có thân hành đi làm sự cấy cấy đất đai ; (Quê-nay không cho địa - chủ là kẻ phân-lợi, ông cho hạng người ấy vì việc quốc-phòng và các việc trong nước, đều bỏn tẩu hết sức, và lại gánh-vác những kinh-phí nữa.)

Ba là hạng người phân-lợi, tức là hạng người không thuộc vào hai hạng người trước kia. (công, thương đều về loài ấy cả).

Quê-nay muốn đem học-lý ra làm thiệt sự, khi ấy nghĩ ra các thứ phương sách như sau này :

- 1) Bọn nông-dân cấy cấy đất đai, nhứt thiết tự-do;
- 2) Những vật-sản thổ-dịa sanh ra, hoặc giao dịch

trong nước, hoặc giao-dịch nước ngoài, nhưt thiết được tự-do;

3) Thân-thể của người canh-tác, không được bị bó-buộc;

4) Phẩm-vật không được bị hạn-chế ;

5) Khai thông đường xá ;

6) Mở đường giáo-dục cho phổ-cập ;

7) Chánh-phủ thường khi lấy lợi ích đặc-biệt để khuyến khích nông-dân ;

8) Như những lệ chuyên-mại và những lệ công-thương-liên-hành, đều nên cấm bỏ cả, khiến cho được tự-do cạnh tranh. Khi ấy kẻ nông-phu mới hưởng được lợi.

Khi tân-học-thuyết của Quê-nay đã ra đời, những bọn đệ-tử nhiệt tâm truyền bá, ảnh hưởng thoát tràn lan khắp các nước, như là : ở nước Pháp thì có Mi-ra-bô (Mirabeau), Gua-nay (Gournay) và Tuy-gô (Furgot); ở nước Anh thì có Huy-mơ (Hume) (tức là nhà triết-học đại-gia vì khoa-học lịch-sử mà nổi tiếng, kinh-tế học của ông thiết mở nẻo đem đường cho Á đăm vậy); ở nước Đức thì có bọn ông Sen-lơ-tuyên (Sehletwein), mà ở trong nước Ý tôn trọng học-thuyết ấy cũng không ít.

Nay xin nói sự đặc thất của học-phái trọng-nông :

1) Quê nay cho nghề công và thương là phân-lợi không phải sanh-lợi, ấy là lầm lỗi nhiều lắm, bởi vì đã gọi là sanh sản, không phải chuyên chỉ về «vật

tự không mà có ra » mới gọi rằng sanh sản ; phàm lấy sức mình mà gia thêm vào vật của thiên-nhiên để sanh sản ra, hoặc thêm nhiều ra, đều gọi là sanh sản, thì nông, công và thương đều có công hiệu cả. Lời nói của Quê-nầy lắm lỗi, sau này Á đăm đã đánh nát không còn chút nào cả. Đến chỗ vì có gì mà khinh hèn nghề công thương, là đại-đề do vì phản-động-lực của chủ-nghĩa trọng-thương gây nên vậy. Vả học-phái ấy lại chỉ tôn trọng về thiên-nhiên-pháp, (tức tánh-pháp) hơn đó mà phàm vật gì phụ thuộc về thiên-nhiên đều trọng cả. Như lấy thổ-địa làm vật thiên-nhiên, thời trịnh trọng cũng phải mà cũng vì nông-dân nước Pháp hồi đó bị bọn thương-lưu khinh dễ quá, trầm luân khốn - đốn khổ trạng không nỡ nói được, cho nên kẻ cứu-thời càng vì đó mà để ý luôn luôn, cũng là có cơ.

2) Gọi là tánh-pháp, học-giả gần nay nhiều kẻ bài xích lắm, (nước Đức nhiều hơn), cho là chánh-sách về quốc-kế tùy thời mà có khác, tùy chỗ mà không đồng, quyết không có cái định-lý nào, định-pháp nào suốt cả xưa nay, thông cả muôn nước mà vẫn cứ còn mãi. Tuy thế, phong khí đương thời xu hướng, bao nhiêu chánh-trị, pháp-luật, triết - học, đều nhờ vào luận-thuyết ấy, cũng không đủ lạ gì.

3) Về sự chủ-trương thuế trực-tiếp, bài xích thuế gián-tiếp, tóm lại đều không thể cho là phép tô-thuế hoàn toàn được ; tuy trong buổi đó dầu có

thế lực, mà đến nay cũng bị mòn mỏi suy vi rồi, những lý-thuyết ấy ảnh hưởng đến đời sau cũng ít, không cần phải bàn lắm.

4) Trọng-nông học-thuyết rất có quan-hệ với quản-trị, là cái luận « sản-nghiệp tự-do ». Cái luận ấy là gộp các phương pháp quản-lý sản-nghiệp của chánh-phủ các nước châu Âu hồi trước, mà bời từ gốc lấy từ nguồn để làm ra vậy. Trước khi chủ nghĩa trọng-nông chưa nổi lên, thì các nước đều tranh đua theo chánh-lược của Côn-bê (chép ở chương thứ 5) chỉ dùng phương-sách quyền-nghi một thời, mà mục-dịch sai lầm càng tới càng thêm rồi chánh-phủ can thiệp đến sản-nghiệp đã tới cực điểm, cho đến việc nhổ nhối của nhơn-dân ăn ở và thường dùng hằng ngày, mà chánh-phủ cũng đều săn sóc từng tí, dục bức từng đều ; phạm bao nhiêu phương-pháp chế-tạo, cơ-quan buôn bán đều có lập pháp-quyền để hạn-chế cả, lưu tệ quá chừng đến nỗi những tiếng cầu cứu ồn lên. Khi ấy các học-giả về phái trọng-nông thừa theo cơ-hội đó, đem học-lý cách-tân để công kích thời chánh, tuy là làm như vậy cũng có quá độ, có khi lại ra ngoài phạm vi, song thật cũng là cái hiện-tượng tự nhiên của thời-đại cách - mạnh xui nên thế mà cái luận trọng-nông ấy cũng là cái nguyên nhân gây nên sự cách-mạnh rất to tát vậy. Bởi vì đương buổi ấy, nhân tâm dần dần biến động, các bộ-phận học-thuyết đều đem cái án đã mấy ngàn năm mà

đổi mới lại ; như trong bộ chánh-trị-học, gọi rằng thuyết « dân-ước » và thuyết « chủ-quyền tại-dân » đều là đồ lợi-khi để đánh tan những đồ tích tẻ đã lâu ; mà thứ nhất là ở trên đường kinh-tế gọi rằng mỗi người buôn bán tự-do mà xưng lên cái thuyết « thiên-phú-quyền-lợi » thiệt đủ khiến cho người ta tỉnh dậy mà biết rằng mỗi thực-lợi vẫn còn. Lại xưng lên cái thuyết « cá-nhân lợi-ích » là một với « công-chúng lợi-ích » cho là công-lợi cả ; ấy thiệt đủ làm rung động giai-cấp và trật-tự của xã-hội đương thời mà không sao ngăn nổi. Cho nên luận-giả đời sau, hoặc cho rằng học-phái trọng-nông, thiên trọng về chủ-nghĩa cá-nhân, gần như đảng vô-chánh-phủ, câu nói ấy tưởng không phải là quá vậy. Những thứ học-thuyết ấy, cứ nay mà xem thời sự quá khích vẫn không đợi bàn, song xét với sự-thể đương thời đó cũng có chỗ bất đắc dĩ thật chứ không nên cứ một mặt mà trách cứ người xưa. Nói tóm lại phái « trọng-nông » ý-kiến lỗi lầm, ngôn-luận quá khích, vẫn cũng nhiều thiệt nhưng đến chỗ biến đổi cả diện mục quản-trị và cải lương được học-lý kinh-tế, thì công lao thật to, không thể phụ được. Đến chỗ bài-xích can-thiệp mà chủ-trương tự-do, thật là đủ mở ra một trời đất mới mang từ đời Á-dam Si-miết về sau, thế lực chẳng cũng lớn lao lắm thay.

TỪ - KHẢO

- Ấn - chứng : dấu in để làm chứng (empreinte).
Ba - cập : đi lan tới (như làn sóng).
Bác - cổ - học : khảo-cứu về các vật, các đồ xưa (études de l'antiquité).
Bác-vật-viện : nhà để chứa đủ các vật tự-nhiên để công-chúng quan-lâm.
Bảo-hộ chế độ : danh-từ kinh tế, chỉ cái chế-độ để bảo-hộ cho đồ quốc-hóa (protectionnisme).
Bảo - thủ : giữ gìn lối xưa, thủ-cự (conservateur).
Bình - thiết : hòa-bình và thiết-thực.
Biện - hộ : binh-vực.
Biểu - chương : nêu lên cho rõ.
Bổ thiên cứu-tệ : sửa đều-lệch, chữa đều tệ.
Cá - nhân : từng người một, (trái lại với đoàn-thể).
Cải - cách : phạm cái gì cố-bữu mà tồn ích, đem đổi sang làm tốt hơn. Cải-cách (réforme) thì làm dần, lũy tiến, ôn-hòa ; cách - mạnh (révolution) thì làm đột-nhiên, phản-đối, kịch-liệt.
Cấm - lệnh : mệnh-lệnh để cấm đoán đều gì.
Can-thiệp (chánh-sách) : cái chánh sách của chánh-phủ can dự đến công việc tư (interventionnisme).
Cao-đàm nhân-nghĩa : bàn bạc một cách cao thượng về nhân-nghĩa.
Chế - tức : không cho ăn tiền lời quá độ.
Chi-khở cực-bạc : rất khở sở, rất mỏng manh.

Chỉ - châm :	kim chỉ đường, la-kinh.
Chi - tế :	những khoản - khế dùng trong sự buôn bán.
Chiết - trung :	đứng giữa hai đường mà biện chiết lấy cho đúng.
Chánh - lược :	phương-sách chính-trị.
Chủ-quyền tại-dân :	chủ-quyền ở dân (souveraineté du peuple).
Chuyên-mại :	có quyền bán một mình (monopole)
Cộng-sản chủ-nghĩa :	chủ-nghĩa muốn tiêu-diệt quyền tư-bủu, lấy cả tài sản của xã-hội làm của chung cả của mọi người, khiến nhà tư-bản và nhà lao-động thành bình - đẳng. Lại có tên là xã - hội chủ-nghĩa (communisme, socialisme)
Cổ-đại (trung-đại, cận-đại, hiện-kim):	Lịch-sử chia ra bốn thời kỳ: cổ - đại (antiquité), trung-đại (moyen-âge), cận-đại (temps moderne), hiện-kim (temps contemporain).
Cùng-cư nham-huyệt :	núp ở trong hang trong lỗ.
Cương - lĩnh :	nghĩa bóng là đều cốt-yếu.
Danh - điền :	xem ruộng là của riêng mình
Dân - ước :	khế-ước của dân (contrat social).
Dịch - trung :	làm môi giới cho sự giao-dịch.
Doanh - dư :	tiền thừa ra (profit)
Doanh - suất :	số tiền thừa ra
Doanh, hư, tiêu, trưởng :	đầy, vơi, tụt, nở.
Du - nhập :	thâu vào.
Du - xuất :	đem ra.
Dung - suất :	số tiền thuê.
Duyên - cách :	duyên = nhân theo cái cũ, cách = đổi ra lối mới

Đạo - sư :	ông thầy dạy.
Điền-tô (địa-tô) :	tiền thuê ruộng (rente foncière).
Độc - kiến :	kiến thức đặc-biệt.
Gia-chính-học :	môn-học về cách sắp đặt công việc trong gia-đình (économie domestique).
Giá - cách :	cái giá mua bán của vật-hóa (prix).
Giá - trị :	cái chân-giá của vật-hóa (valeur).
Giải - phẫu :	chia ra từng phần để nghiên-cứu. Giải phẫu-học = anatomie.
Gián - tiếp (thuế) :	thuế mà không thâu thẳng tại người tiêu dụng (impôt indirect). Trái lại là thuế trực-tiếp (impôt direct).
Giao - dịch :	trao đổi lẫn nhau (échange).
Hải - quan (thuế) :	thuế đánh hàng hóa vào ra của biển.
Hàng - hải :	tàu bè vượt biển.
Hạn-chế, (chế-độ) :	chế-độ ngăn dũ các hàng hóa nhập cảng cho có chừng (système restrictif).
Hiếu - hóa :	ham, chuộng hóa-tệ (tiền bạc).
Hộ - tịch :	số dân cư.
Hỗ - thị :	nói về nước nọ nước kia đem hóa-vật giao-dịch với nhau ở thị-trường.
Hối - đoái :	người nơi A muốn giao tiền cho người nơi B, lấy tiền giao cho ngân-hàng ở A chuyển sang ngân-hàng ở B, rồi người nơi B đến ngân-hàng ở B lấy tiền, làm như thế gọi là hối-đoái. (change).
Hóa - tệ :	tiền của — chỉ-tệ : tiền của bằng giấy (papier monnaie) ; tiền-tệ : tiền của thật (monnaie métallique).
Hóa - thực :	tài vật có thể sinh - đẻ ra.
Hỏa - dược :	thuốc súng.
Hưng - nghiệp :	kinh-dinh nghề-nghiệp
Khảo - chứng :	khảo - xét cho ra chứng cứ.

Khu - suất :	khu - sử, sai khiến.
Kiên - tính :	gồm nuốt.
Kim - khoáng :	mỏ vàng.
Kinh - giá :	giá các hóa-vật tính theo tiền nguyên- liệu và tiền kinh - phí (prix de re- vient); Thị giá (prix de vente).
Kinh - phí :	tiền phí-tồn.
Lao - động :	làm việc khó nhọc.
Lợi - nhuận :	tiền lời (profit).
Lợi - tức :	tiền lời (intérêt).
Lực-dịch tự-do :	làm việc tự-do.
Lương-năng :	cái bản-năng trời phú cho.
Mẫu - quốc :	nước đi lấy thuộc-địa đối với nước thuộc-địa métropole).
Mẫu - tài :	tiền mẹ, tiền vốn, tư-bản (capital).
Mậu-dịch sai-suất (chế-độ) :	là một nghĩa với chế-độ trong- thương (système de balance commer- ciale).
Ngân-phiếu :	bạc giấy của ngân hàng ấn - hành (billet de banque).
Nguyên-liệu :	vật-liệu dùng để chế-tạo các hóa- vật (matière première)
Nguyên-tố :	nguyên-chất, cái vật rất tinh thuần.
Nghi - dung :	khuôn khổ, dáng bộ con người.
Nhân - quả :	nguyên nhân (cause), hiệu quả effet)
Nhập - khẩu :	nhập cảng, hàng-hóa vào cửa biển ; trái lại là xuất khẩu.
Nô - lệ :	tôi tớ, tôi mọi (esclave).
Nông - nô :	đầy tớ làm ruộng, serf).
Ô - thác - bang :	nước mộng-tưởng, trống không, chỉ những ý-tưởng viển-vông (utopie).
Phân - nghiệp :	chia nghề nghiệp ra từng người.
Phân - lợi :	chỉ về những người không sinh sản mà chỉ ngồi ăn hại : trái lại là sinh lợi

Phân - phối :	chia sẻ (distribution).
Phân - thể .	mỗi một phần trong toàn-thể.
Pháp - lý :	tinh-lý của pháp-luật (Pháp-lý học : jurisprudence).
Phiền - vinh :	thịnh-vượng, tốt đẹp.
Phú - kim :	tiền thuế.
Phụ - đảm :	gánh vác.
Phù - khoán :	giấy làm tin
Phục - lao :	chịu nhọc nhằn làm việc.
Quần - hầu :	các nước chư-hầu.
Quý kim-thuộc :	các loài kim-quí-hóa (métaux précieux).
Quốc - tế :	sự giao-tế các nước (international).
Quốc - phòng :	sự phòng giữ cho nước.
Quyền - nghi :	sự quyền-biến trong nhất thời.
Sản - thực :	sinh sản nhiều ra
Sinh - sản :	làm ra của, ra hóa - vật; về kinh-tế - học hãy có kết - quả tích-cực thì gọi là sinh - sản (production); - tuần-hoàn : circulation; - phân-phối : distribution; - tiêu-phí : consommation
Sử - thặng :	lịch-sử.
Tàn - khuyết :	hư thiếu.
Tấn - thân :	nhà quan-quyền.
Tảo - hôn :	lấy vợ lấy chồng sớm.
Tài - phú :	của cải (richesse).
Tánh - pháp :	pháp-tắc tự-nhiên (physiocrate).
Tăng - thực :	sinh thêm ra.
Tế - toái :	nhỏ nhen lặt vặt.
Thất - nghiệp :	mất nghề - nghiệp (chômage).
Thập-tự quân :	nói về quân Âu-châu về đời Trung-đại đi đông-chinh để đánh giữ mộ chúa Cơ đốc, mỗi người quân mặc áo có chữ thập (croisades)
Thích - độ :	thích-hợp điều độ, đúng chừng mực.
Thông - hóa :	thông dụng các hóa-tệ.

Thô - phẩm :	phẩm-vật còn thô (matière brute).
Thị - y :	thầy thuốc của nhà vua (ngự y).
Thiên-phú quyền-lợi :	quyền-lợi nguyên trời cho.
Thúc - ước :	cái khế-ước dễ dàng buộc người nợ với người kia.
Thượng - võ :	chuộng về võ-bị
Thượng - sản :	chuộng về sản-nghiệp.
Thị - trường :	chỗ buôn bán, tiêu-thụ hóa-vật.
Thực - dân :	người bỏ mẫu-quốc mà di-cư ở một đất xa, nhưng cứ theo pháp-luật mẫu-quốc. Thực-dân-địa : colonie.
Tín dụng chứng khoán :	những khế khoán để làm chứng tin.
Tô - thuế :	thuế má.
Tổ - thuật :	thuật theo, noi theo.
Trác - việt :	hơn hết cả.
Trình - chuẩn :	mức-thước.
Trái - tức :	cho vay lấy lời.
Tiền - khu :	cái đi trước (avant coureur).
Tiền - đạo :	người đi trước đem đường
Trọng - nông :	phái kinh-tế-học thiên trọng về nghề nông (système physiocrate).
Trọng - thương ;	phái kinh-tế-học thiên-trọng về nghề thương (système mercantile)
Trung - hộ :	người đứng vào bậc trung bình (bourgeois)
Trị - hóa :	nói về chính-trị hóa dân.
Trị - tiêu :	trong sách thuế nói bình gấp thì trị-tiêu (trị ngọn), bình hoãn thì trị-bồn (trị gốc).
Tư - tài :	của cải, tư-bồn.
Tư - hữu - quyền :	quyền có của riêng (propriété privée)
Tử - tức :	tiền con, tiền lời
Tự-do mậu-dịch (chế-độ) :	nói về chế-độ cho buôn bán tự do (libre échange)

Tự-do cạnh-tranh :	tranh đua nhau tự-do (libre concurrence).
Tức - tá :	cho vay lấy lời.
Tức - suất :	số tiền lời cho vay.
Tỷ - tổ :	ông tổ đầu.
Ưu-thắng liệt-bại :	hơn thì được, kém thì thua.
Vật - giá :	giá tiền của vật-hóa.
Vật - thực :	vật-hóa.
Vật-cạnh thiên-trạch :	Nghĩa là : muôn vật cạnh tranh lẫn nhau, thứ nào thích thì sinh tồn, thứ nào không thích thì tiêu diệt, như là trời chọn ; cạnh tranh sinh tồn (lutte pour la vie).
Vô-chánh-phủ :	một chi phái trong xã-hội chủ-nghĩa, nhất thiết phản đối không thừa-nhận một thứ chủ-quyền gì. (anarchisme)
Vu - nho :	thầy đồ hủ.
Xuất - phẩm :	phẩm-vật sinh xuất ra.

MỤC-LỤC

Lê-ngôn.	1
Phát-đoan.	2
Giới-thuyết của sách này.	7
I — Kinh-tế-học về đời Thượng-cổ.	8
II. — Kinh-tế-học về đời Trung-cổ	16
III. — Kinh-tế-học về thế-kỷ 16	20
IV. — Chủ-nghĩa trọng-thương	27
V. — Kinh-tế-học về thế-kỷ 17	40
VI. — Chủ-nghĩa trọng-nông.	44
Từ-khảo.	54

QUAN-HẢI TÙNG-THƯ



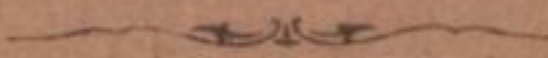
SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN :

1. — Trí-khôn (Tâm - lý - học nhập-môn)
giá 0\$10
2. — Đông-Tây văn-hóa phê-bình
(Quyển thượng) giá 0\$15
3. — Kinh - tế - học tiểu-sử (Quyển I)
giá 0\$25

SÁCH SẼ XUẤT BẢN :

4. — Thế-giới phụ-nữ vận-động
5. — Văn-minh Âu-Mỹ
6. — Đông-Tây văn-hóa phê-bình
(Quyển hạ)
7. — Thế-giới cường - quốc chính-thể
lược-khảo

QUAN-HẢI TÙNG-THƯ



Ai muốn mua hoặc nhận bán sách của
Quan-hải tùng-thư xin gửi thơ cho :

ĐÀO-DUY-ANH

Biên-tập ở tòa báo Tiếng-Dân

Đường Đông-Ba — HUẾ